CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
DN: C=VN, S=ĐẮK NÔNG, L=Đắk Mil, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:6000173846
Reason: I am the author of this document
Location: tôi đồng ý
Date: 2021-04-05 17:18:32
Foxit Reader Version: 9.4.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
=====o0o=====

Đắk Mil, ngày ..... tháng 4 năm 2021

GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Tên cổ đông:……Mã cổ đông:……..

Số CMND/ĐKKD:……..Cấp ngày……Tại…….....

Địa chỉ:……..

Điện thoại:……Fax:……....Email:…….....…..

Tổng số cổ phần sở hữu:……...

(bằng chữ:……...)

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An tổ chức vào **14 giờ 00 ngày 28/4/2021** tại Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

CỔ ĐÔNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

……..

*Xin vui lòng gửi Fax và bản chính Phiếu xác nhận tham dự về địa chỉ sau trước **12h00 ngày 25/4/2021***

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÀ PHÊ THUẬN AN
Trụ sở chính: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông
Điện thoại: 02613 747 053 Fax: ……. Email: hungkt201189@gmail.com
Liên hệ**:** **Mr. Hùng** ĐTDĐ: 0935778265

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN
V/v: Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An

1. Bên ủy quyền

Tên cổ đông: .....

CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD/Chứng thực cá nhân hợp pháp khác/ĐKDN số: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Mã số cổ đông (nếu có): .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

2. Bên được ủy quyền

Ông/Bà: .....

CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD/Chứng thực cá nhân hợp pháp khác/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Tài liệu pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

3. Nội dung ủy quyền

Thay mặt Bên ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An vào ngày 28/4/2021.

Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết tất cả những vấn đề thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An với số lượng cổ phần được ủy quyền là:

☐ Toàn bộ ☐ Một phần[1]: .....

Quyền khác tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty: .....

.....

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An

5. Trách nhiệm của người được ủy quyền[2]

- Thực hiện công việc được ủy quyền tại Mục 3 nêu trên.
- Không được ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện công việc được ủy quyền./.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC**	**BÊN ỦY QUYỀN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông
Tel: 02613 747 053 * Fax: ……..

Số: ...../2021/QĐ-HĐQT *Đắk Mil, ngày ..... tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

(V/v Thành lập Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 18/7/2019, được sửa đổi, bổ sung ngày 27/6/2020;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An, bao gồm các cá nhân có tên sau đây:

1.	Ông Nguyễn Văn Quang	- TP. Kỹ Thuật – Nghiệp vụ	Trưởng ban
2.	Ông Nguyễn Sỹ Anh	- PP. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Thành viên
3.	Ông Trần Anh Sơn	- CV. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Thành viên

Điều 2. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 có nhiệm vụ:

- Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ năm 2021 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Lập và báo cáo kết quả Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội, đảm bảo tính trung thực, tuân thủ Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Sau khi Đại hội được tổ chức thành công, Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông sẽ tự động giải thể.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc, Ban Tổ chức ĐHĐCĐ năm 2021, các thành viên Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông và các Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT; VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông
Tel: 2613 747 053 * Fax: ……..

Số: ...../2021/BC - BKTTCCĐ *Đắk Mil, ngày ..... tháng 4 năm 2021*

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Vào hồi 14 giờ 00 ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại: Công ty CP cà phê Thuận An

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

1. Nguyễn Văn Quang Trưởng ban
2. Nguyễn Sỹ Anh Thành viên
3. Trần Anh Sơn Thành viên

đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tới tham dự **Đại hội cổ đông thường niên năm 2021** Công ty Cổ phần cà phê Thuận An

Kết quả cụ thể như sau:

1. Tổng số cổ đông trong danh sách chốt ngày 30/3/2021 là: **.....** cổ đông, nắm giữ **.....** cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Số cổ đông tham dự đại hội là: .....cổ đông

Trong đó : + Tham dự trực tiếp: .....cổ đông

+ Tham dự thông qua uỷ quyền:.....cổ đông

Đại diện cho quyền sở hữu.....cổ phần, bằng.....% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi ….. giờ ….. ngày .... /4/2020 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội./.

TM/ BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

……..

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông
Tel: 02613 747 053 * Fax: …….

Số: ...../2021/QĐ-HĐQT *Đắk Mil, ngày ..... tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Ban hành Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 18/7/2019, được sửa đổi, bổ sung ngày 27/6/2021;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021** của Công ty Cà phê Thuận An

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Tổ chức Đại hội, các thành viên liên quan và các cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT; VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thuận An, ngày .... tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ

Làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP Cà phê Thuận An

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP cà phê Thuận An;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT ngày 09/3/2021 về việc tổ chức ĐHĐCĐ năm 2021;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cà phê Thuận An ban hành Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

Chương I.
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần cà phê Thuận An.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Toàn bộ cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội (ngày 28/4/2021), Ban tổ chức Đại hội và các đối tượng khác theo thẩm quyền phê duyệt của Chủ tọa Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

a. Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b. Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể uỷ quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

c. Ngoài các tài liệu được phát trong Đại hội, mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông còn được phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có các thông tin về tên cổ đông, mã số đại biểu, số cổ phần sở hữu, số cổ phần đại diện, số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự và Nội dung biểu quyết tại Đại hội.

d. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

a. Trang phục của cổ đông đến tham dự đại hội đảm bảo lịch sự, trang trọng.

b. Tham gia đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty. Trường hợp không đi được phải thực hiện ủy quyền cho người đại diện tham gia theo đúng quy định.

c. Các cổ đông hay đại diện cổ đông tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

d. Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này.

e. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, giữ vai trò là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm và quyền sau đây:

a. Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.

b. Khi có những sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa sẽ bàn bạc với những thành viên khác trong Ban Tổ chức (trước khi Đại hội bắt đầu), Đoàn chủ tọa (trong quá trình diễn ra Đại hội) để tìm ra cách thức giải quyết. Tuy nhiên, trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến nào có sự ủng hộ của Chủ tọa sẽ mang tính quyết định.

c. Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban Thư ký Đại hội

1. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diến biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu

1. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Chủ tịch HĐQT đề cử và thông qua tại Đại hội, có trách nhiệm:

a) Nhận giấy tờ của cổ đông và đại diện cổ đông đến họp.

b) Phát tài liệu họp, phiếu biểu quyết và phiếu lấy ý kiến bằng văn bản cho các cổ đông.

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

2. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT đề cử và thông qua tại Đại hội, có trách nhiệm:

a) Phát và thu phiếu biểu quyết, phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản cho các cổ đông và đại diện cổ đông đến họp.

b) Kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông và đại diện cổ đông đến họp.

c) Xác nhận thông tin hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, của cổ đông và đại diện cổ đông đến họp.

d) Tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả trước Đại hội trước khi thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

Chương III
TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông mời họp khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự tiến hành Đại hội được quy định chi tiết, cụ thể tại Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 10. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo Khoản 1, 2, 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp và Điều 29 Điều lệ công ty.

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 29 Điều lệ Công ty.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Đại hội đồng cổ đông: quyết định của Chủ tọa đại hội là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

Điều 11. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông không thành

Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 8 Quy chế này thì người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp sẽ được triệu tập lại theo quy định tại điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phải được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại công ty.

Chương IV
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 13. Một số quy định khác:

1. Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông;

2. Cổ đông sẽ bị Đoàn chủ tọa đại hội truất quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông khi cố tình không chấp hành các quy định của đại hội, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành Đại hội.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này bao gồm 5 chương, 14 điều, được Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:
- Cổ đông công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày.....tháng 4 năm 2020

QUY CHẾ
BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019 -2024

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tiến hành bầu bổ sung thành viên BKS với quy chế bầu cử như sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 2. Số lượng Thành viên BKS được bầu bổ sung:

Số thành viên bầu bổ sung căn cứ theo Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Điều 3. Danh sách ứng viên bầu bổ sung Thành viên BKS:

Danh sách ứng viên bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ I (2019 - 2024) theo tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên BKS:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên BKS: *(theo điều 169 của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty)*

Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

2. Đề cử, ứng cử Thành viên BKS: *(theo điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty)*

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn(04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử năm (05) ứng viên Ban kiểm soát.

Trường hợp số lượng các ứng viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử như quy định trên thì số ứng viên còn lại do HĐQT, BKS đề cử.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử

- Đơn ứng cử hoặc đề cử tham gia BKS;
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Giấy xác nhận số cổ phần sở hữu liên tục trong sáu (06) tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông hoặc giấy tờ tương đương của Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh;
- Giấy ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử;
- Bản sao hợp lệ:
  - Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu;
  - Các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn.
- Các thông tin liên quan khác, các lợi ích liên quan tới Công ty (nếu có).

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi về Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ được ghi trong thông báo mời họp. Toàn bộ những thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên BKS sẽ được công bố trên website Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ.

3. Đối với trường hợp đề cử, ứng cử ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử phải chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ tại Khoản 1 Điều 5 và cung cấp ngay hồ sơ trước khi khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ cho Chủ tọa cuộc họp để được xem xét.

4. Chỉ những hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của thành viên BKS mới được đưa vào danh sách ứng viên được công bố tại cuộc họp.

Điều 6. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử:

1. Danh sách bầu bổ sung Thành viên: Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu cử.

2. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, có tổng số phiếu bầu cử theo mã số tham dự.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát Phiếu bầu bổ sung Thành viên BKS theo mã số tham dự.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cử cho ứng viên bầu bổ sung Thành viên BKS vào ô trống của tên người đó trên phiếu bầu cử.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban bầu cử đổi phiếu bầu cử khác.

Điều 7. Phương thức bầu cử:

1. Bầu bổ sung Thành viên BKS được bỏ phiếu kín. Phiếu bầu cử bổ sung BKS, Cổ đông ghi số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện theo ủy quyền của mình cho ứng viên mình chọn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần có quyền bầu cử (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu bổ sung vào BKS;

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đại diện có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cử cho một ứng viên hoặc chia (có thể chia đều hoặc không đều) cho các ứng viên mình lựa chọn.

4. Phương thức bầu: Cổ đông hoặc người được ủy quyền ghi cụ thể số phiếu bầu cử vào ô "Số phiếu bầu" bên cạnh tên ứng viên mà mình lựa chọn tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với từng ứng viên. Nếu không bầu cho ứng viên nào đó Cổ đông hoặc người được ủy quyền ghi "**0**" vào ô "**Số phiếu bầu**" hoặc bỏ trống. Tổng số phiếu bầu cử của các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu cử mà cổ đông hoặc người được đại diện ủy quyền đó có và số lượng ứng viên được lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung.

(Hướng dẫn chi tiết tại Mục II Phụ lục đi kèm).

5. Các trường hợp phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;

- Phiếu bầu cử vượt quá số tối đa theo quy định tại Điều 2 Quy chế này;

- Phiếu bầu cử tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

- Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông;

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử Thành viên BKS:

1. Người trúng cử Thành viên BKS phải có từ 65% trở lên tổng số quyền bầu cử của cổ đông tham dự họp bầu chọn, được xác định theo số quyền bầu cử cao nhất tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên BKS.

2. Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử Thành viên BKS theo quy định thì người nào sở hữu và đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu ngang bằng nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

3. Trường hợp kết quả bầu cử chưa đủ số lượng thành viên BKS cần bầu thì sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những người đề cử hoặc ứng cử không trúng cử đợt 1 còn lại. Việc bầu cử sẽ được tiến hành cho đến khi bầu đủ số thành viên BKS cần bầu.

Điều 9. Ban bầu cử, nguyên tắc kiểm phiếu:

1. Ban bầu cử:

- Ban bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban bầu cử có trách nhiệm:
  - Thông qua Quy chế bầu cử.
  - Giới thiệu phiếu bầu cử và phát phiếu bầu cử.
  - Tiến hành kiểm phiếu.
  - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.
- Thành viên Ban bầu cử không được có tên trong danh sách ứng cử viên bầu bổ sung Thành viên BKS.

2. Nguyên tắc kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử công bố toàn văn trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Đổi phiếu bầu:

- Trường hợp có sự sai sót trong quá trình viết phiếu, cổ đông có thể liên hệ Ban bầu cử để được hướng dẫn và thay thế Phiếu bầu cử khác.

Điều 10. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ chỉ được xem xét ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không được phản đối tính cách hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 11 điều, có hiệu lực sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên BKS tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Ngọc Nghị

PHỤ LỤC MẪU PHIẾU BẦU VÀ PHƯƠNG THỨC BẦU DỒN PHIẾU

(Kèm theo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát)

I. Mẫu Phiếu bầu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

PHIẾU BẦU CỬ

BẦU THÀNH BỔ SUNG VIÊN BAN KIỂM SOÁT

CỔ ĐÔNG: _____
MÃ SỐ CỔ ĐÔNG: _____
SỐ CP ĐẠI DIỆN/SỞ HỮU: _____
SỐ CP NHẬN ỦY QUYỀN: _____
TỔNG SỐ CỔ PHẦN (*): _____
TỔNG SỐ PHIẾU BẦU (=(*) x A): _____

Lưu ý: "A": Số lượng thành viên BKS được bầu

Kính đề nghị Quý cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách ghi số lượng phiếu bầu với mỗi ứng cử viên tại cột "Số phiếu bầu".

Danh sách ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1		
2		
3		
4		
5		
	Tổng cộng	

***Lưu ý:** Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông.*

Cổ đông/Người nhận ủy quyền

Ký và ghi rõ họ tên

II. Hướng dẫn bầu cử theo phương pháp bầu dồn phiếu

Ví dụ:

Cổ đông **Nguyễn Văn A** có số lượng cổ phần sở hữu là: **4.000 CP**, cổ phần được ủy quyền là: **6.000 CP**. Như vậy: Cổ đông **A** có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 10.000 CP và tổng số quyền bầu cử là: **10.000 x 2 = 20.000.**

1. Bầu bổ sung thành viên BKS:

Theo Quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua: Bầu **02** thành viên trong số các ứng viên được đề cử. Cổ đông **Nguyễn Văn A** có thể bầu như sau:

a. Trường hợp cổ đông A tín nhiệm **02 ứng viên** có thể:

- Chia đều quyền bầu cử cho 02 ứng viên

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu bầu
1	**Ông A**	**10.000**
2	**Ông B**	**10.000**

- Chia không đều số phiếu bầu cử cho 02 ứng viên ***nhưng tổng số phiếu bầu không quá 20.000***

TT	Danh sách ứng viên	Số phiếu bầu
1	**Ông A**	**14.000**
2	**Ông B**	**6.000**

b. Trường hợp Cổ đông A **chỉ tín nhiệm 01** ứng viên thì chỉ việc điền tổng số quyền bầu cử của mình (hoặc có thể nhỏ hơn) vào ô "**Số phiếu bầu**".

c. Trường hợp cổ đông A sử dụng tổng số phiếu bầu cử bầu cho **03 ứng viên trở lên** hoặc tổng số quyền bầu cử trong ô "**Số phiếu bầu**" lớn hơn **20.000** thì phiếu bầu là **không hợp lệ.**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..../BC-TAN	*Đắk Mil, ngày..... tháng 03 năm 2021*

BÁO CÁO
Kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021

Phần I
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn:

Năm 2020, cả thế giới phải gánh chịu sự suy thoái nặng nề về kinh tế do đại dịch Covid-19 và sự biến đổi nhanh chóng của khí hậu, thiên tai hạn hán, lũ lụt, sạt lở xảy ra liên tiếp trong năm; giá cả các mặt hàng nông sản liên tục giảm, thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn chung, Công ty cũng có những thuận lợi để ổn định đó là; Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo của HĐQT, việc hướng dẫn và kiểm soát chặt chẽ của Ban kiểm soát, sự nổ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động Công ty, lợi thế về đất đai, khí hậu để Công ty phát triển các loại cây nông nghiệp dài ngày như cà phê, cây ngắn ngày. Hệ thống đường giao thông thuận lợi, bao quanh các khu vực sản xuất của Công ty, có nhiều hồ đập đáp ứng nguồn nước phục vụ tưới tiêu là điều kiện thuận lợi để công ty vượt qua khó khăn thách thức trong năm 2020.

II. Tổ chức bộ máy và nhân sự:

1. Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty:

a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty;

b) Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, BKS Công ty;

c) Giám đốc Công ty được HĐQT ủy quyền điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động tại Công ty tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật.

d) Công ty có 03 phòng/ban chuyên môn gồm: Văn phòng, phòng TC-KT, phòng KT-NV và một đội SX (cà phê và các loại cây trồng ngắn ngày khác).

2. Cơ cấu nhân sự: 42 người

a) Giám đốc : 01 người

b) Trưởng/Phó các phòng/ban chuyên môn : 04 người

c) Nhân viên : 11 người

d) Công nhân trực tiếp SX : 26 người

3. Tăng giảm lao động trong năm 2020:

a) Tổng số lao động đầu kỳ : 50 LĐ

b) Tăng trong kỳ : 12 LĐ, *lý do*: Tuyển dụng thay thế

c) Giảm trong kỳ : 20 LĐ

Trong đó: + 02 LĐ đã nghỉ hưu, hết hạn hợp đồng lao động;

+ 06 LĐ không đáp ứng được yêu cầu công việc;

+ 12 LĐ (135 trước đây) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ

d) Lao động có đến thời điểm báo cáo (31/12/2020): 42 lao động

4. Công tác quản trị doanh nghiệp sau cổ phần hóa:

a) Sau hơn một năm chính thức đi vào hoạt động, công tác nhân sự của Công ty gặp nhiều khó khăn, bộ máy nhân sự của Công ty chuyển từ công ty TNHH sang, phần lớn làm việc trái với ngành nghề đào tạo. Là đơn vị sản xuất nông nghiệp nhưng lại thiếu cán bộ được đào tạo chuyên ngành về sản xuất nông nghiệp, thiếu những cán bộ có khả năng tổ chức, điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo hướng công nghệ cao để khai thác hết tiềm năng lợi thế về đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu hiện là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp hiện nay của Công ty.

b) Để cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và mục tiêu phát triển Công ty trở thành đơn vị chủ lực trong sản xuất, cung ứng và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao tại địa bàn Tây nguyên. Công ty sẽ từng bước chuyển đổi mô hình hoạt động, chuyên nghiệp trong điều hành sản xuất, bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có tay nghề đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty trong thời gian tới.

III. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai:

1. Tổng diện tích đất công ty quản lý : 2.882.194,6 m^2

Tong đó: + Đất trồng cây lâu năm : 670.826,2 m^2

+ Đất trồng cây hàng năm : 2.030.114 m^2

+ Đất trụ sở Công ty (TM,DV) : 4.968,4 m^2

+ Đất phi nông nghiệp : 59.277,9 m^2

+ Đất giao thông : 92.516,6 m^2

+ Đất mặt nước : 24.491,3 m^2

2. Công tác quản lý đất đai:

a) Công ty đã ban hành Quy chế quản lý và sự dụng đất đai của Công ty, tiến hành múc mương tại một số điểm tiếp giáp với các hộ dân có nguy cơ xảy ra lấn chiếm, khảo sát và ưu tiên nguồn vốn để lập hàng rao bảo vệ toàn bộ khu vực đất quản lý của công ty vừa thể hiện tính pháp lý vừa tạo mỹ quan khu vực đầu tư sản xuất của Công ty.

b) Phân công cán bộ và tăng cường bảo vệ chuyên trách của Công ty thường xuyên tuần tra, kiểm tra hiện trạng đất và tài sản gắn trên đất trên toàn bộ diện tích đất Công ty quản lý. Xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, trồng tỉa xen canh trên đất của Công ty.

IV. Kết quả công tác điều hành sản xuất kinh doanh

1. Công tác đầu tư, chăm sóc, thu hoạch và chế biến sản phẩm cà phê niên vụ 2020-2021:

1.1. Đối với cà phê SXTT:

Sau khi đề xuất của công ty được Hội đồng quản trị chấp thuận cho thanh lý toàn bộ diện tích cà phê già cỗi, hiện tại diện tích cà phê SXTT của Công ty còn lại 54,437 ha. Công ty đã tiến hành sắp xếp, bố trí lại các lô, thửa, bố trí lại lao động, đảm bảo mỗi công nhân đảm nhận chăm sóc từ 2 ha trở lên để đảm bảo việc làm, thu nhập và đóng các khoản BH theo quy định. Xây dựng lại định mức kinh tế - kỹ thuật sát với thực tế từng vườn cây, tập trung nghiên cứu các biện pháp thâm canh tăng nâng suất, chất lượng vườn cây, sản xuất theo hướng công nghệ, sản phẩm an toàn thân thiện với môi trường.

a) Thực hiện quy trình chăm sóc:

- Quy trình cắt cành, định hình: Sau khi kết thức thu hoạch, triển khai ngay quy trình cắt cành, định hình lại cho cây để tạo độ thông thoáng, tạo sự cân bằng cho cây sau thời gian thu hoạch.

- Quy trình tưới nước: Niên vụ 2019-2020 về cơ bản đã tổ chức tưới xong lần 2 trên toàn bộ diện tích thì thời tiết có mưa nên dừng tưới. Đối với diện tích 31,171 ha ở khu vực 1 tổ chức tưới tập trung bằng hệ thống máy điện 55 KW, khu vực 2, 3 do diện tích không tập trung, manh mún, giao cho công nhân tự tổ chức tưới theo diện tích đảm nhận. Qua nghiệm thu, thanh toán nhìn chung công tác tưới đảm bảo thời gian và lượng nước theo yêu cầu của phương án;

- Quy trình làm cỏ: Thực hiện hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4 cho đến tháng 10, nghiêm cấm sử dụng các loại thuốc diệt cỏ, người lao động chỉ được phép thực hiện quy trình làm cỏ bằng cuốc hoặc máy cắt cỏ. Phần lớn đều thực hiện tốt quy trình;

- Quy trình đánh chồi thân, làm cành: Thực hiện hằng tháng, bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10. Đây là quy đình qua kiểm tra, đánh giá còn tồn tại nhiệu hạn chế nhất trong quy trình chăm sóc hàng năm cụ thể: Cán bộ chỉ đạo và công nhân còn nhầm lẫn quy trình, chi thực hiện chủ yếu ở khâu đánh chồi thân không thực hiện đánh cành vô hiệu, cành tăm, cành nhớt...

- Quy trình bón phân, phun thuốc BVTV:

+ Năm 2020 Công ty tổ chức bón phân 3 lần/ năm, lần 1 bón phân lân, lần 2&3 bón phân trộn urê + kaly, các lần bón phân đều gặp mưa nên cây hấp thụ tốt.

+ Năm 2020 Công ty chỉ sử dụng phun chế phẩm sinh học (thuốc bảo vệ thực vật kết hợp với phân hữu cơ vi sinh), qua 2 lần sử dụng kết quả vườn cây phát triển tốt, đọt non phát triển nhiều, các loại ký sinh trùng, rệp gây hại cho cây cà phê cơ bản bị tiêu diệt.

b) Công tác tổ chức thu hoạch và giao nhận sản phẩm:

- Công tác tổ chức bảo vệ: Vụ mùa 2020-2021, Công ty không tổ chức hợp đồng thuê lực lượng bảo vệ đối với các đơn vị bên ngoài, mà tổ chức lực lượng bảo vệ nội bộ của Công ty. Do có sự chuẩn bị từ trước, nhận định, đánh giá, dự báo các tình huống có thể xảy ra để có biện pháp xử lý trên tinh thần không để bị động. Việc bố trí, phân công lực lượng tuần tra khép kín, khoa học, nên trước, trong và sau thu hoạch vụ mùa 2020-2021 tình hình an ninh, trật tự luôn được đảm bảo, không để xảy ra các vụ việc trộm cắp sản phẩm. Việc tổ chức lực lượng bảo vệ nội bộ của Công ty cũng đã tiết kiệm một khoản tài chính rất lớn trong chi phí thu hoạch hàng năm của Công ty.

- Thời gian và sản lượng thu hoạch: Theo Phương án "Bảo vệ, chỉ đạo thu hoạch và gia, nhận sản phẩm cà phê quả tươi năm 2020", thời gian thu hoạch dự kiến từ 15 đến 20 ngày từ ngày phát lệnh thu hoạch, năm nay Công ty thành lập 03 tổ công nhân thu hái tập trung, hái cuốn chiếu, thời tiết thuận lợi nên việc tổ chức thu hái đúng theo kế hoạch cụ thể:

TT	Khu vực	Thời gian ra quân	Thời gian kết thúc	Thời gian thu hoạch
1	Khu vực 1	09/12/2020	17/12/2020	09 ngày
2	Khu vực 2	17/12/2020	20/12/2020	03 ngày
3	Khu vực 3	20/11/2020	25/12/2020	05 ngày
	CÔNG TY	**09/12/2020**	**25/12/2020**	**17 ngày**

- Tổng sản lượng nhập kho:

TT	KHU VỰC SX		DT	Sản lượng	Tổng SL	Nhân công	NSBQ / ha	NS LĐ
1	KV1	cà phê 2006	31,171	301.094	301.094	895	9.659	336
2	KV2	cà phê 2011	1,072	14.090	57.363	40	13.144	352
		cà phê 2014	5,702	43.273		150	7.589	288
3	KV3	cà phê 2011	0,970	6.813	155.980	24	7.024	284
		cà phê 2014	4,344	34.251		90	7.885	381
		cà phê 2015	11,178	114.916		325	10.281	354
TỔNG			**54,437**	**514.437**		**1.524**	**9.450**	**338**

1.2. Đối với cà phê hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết:

a) Hiện tai Công ty vẫn phải tiếp tục thực hiện 12,64 ha hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết còn hiệu lực pháp lý từ Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An chuyển sang cụ thể:

- 6,66 ha cà phê giao khoán có thời hạn đến ngày 31/12/2023;
- 0,40 ha cà phê liên kết có thời hạn đến 31/12/2023;
- 0,99 ha cà phê liên kết có thời hạn 31/12/2024;
- 4,59 ha cao su, cà phê, tiêu có thời hạn đến năm 2040;

b) Công ty đã tiến hành mời các hộ hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên kết lên để thương thảo, thỏa thuận và ký kết Phụ lục hợp đồng, thể hiện rõ quyền lợi và nghĩa vụ các bên, nhất là các khoản phát sinh đối với ngân sách Nhà nước (tiền thuê đất, thủy lợi phí …). Để thuận lợi trong công tác điều hành, chỉ đạo thu hoạch Ban Lãnh đạo Công ty đã thống nhất chủ trương cho các hộ nhận khoán, liên kết nộp sản phẩm mùa vụ 2020-22021 bằng tiền mặt theo giá mua của thị trường tại thời điểm, kết quả thực hiện như sau:

TT	Khu vực Sản xuất	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		Tỷ lệ hoàn thành (%)	Ghi chú
			Bằng tiền			
			Lượng (Kg)	Quy tiền theo giá thời điểm		
1	Khu vực 2	72 kg	72	2.368.800	100	Cà phê nhân
2	Khu vực 3	20.662 kg	20.662	148.316.756	100	
	CÔNG TY	**20.662 kg**	**20.662**	**148.316.756**	**100**	

1.3. Công tác chế biến sản phẩm:

a) Phương án chế biến: Công ty thống nhất phương án khoán gọn chi phí chế biến/ 1 đơn vị sản phẩm, có thế chấp tài sản, tỷ lệ thu hồi thành phẩm 4,7 kg cà phê quả tươi/ 1 kg cà phê nhân xô, chất lượng sản phẩm 15-5-1/ máy ket II. Tổ chức mời thầu các tổ chức, cá nhân có năng lực tài chính, có kinh nghiệm trong công tác chế biến sản phẩm trên địa bản để lựa chọn và ký kết hợp đồng.

b) Tỷ lệ thu hồi thành phẩm nhập kho theo kế hoạch:

- Tổng sản lượng cà phê qua tươi nhập kho đưa vào chế biến: **514.437 kg** (*Năm trăm mười bốn ngàn, bốn trăm ba mươi bảy kilogam*).

- Tổng sản lượng cà phê nhân thu hồi theo hợp đồng: **109.455 kg** (*Một trăm lẻ chín ngàn, bốn trăm năm mươi lăm kilogam*).

- Ngày 30/01/2021 bộ phận nhận khoán chế biến đã bàn giao cho Công ty đủ về số lượng và chất lượng theo hợp đồng, sản phẩm hiện đang lưu trữ và bảo quản tại trụ sở Công ty.

1.4. Cây hằng năm:

a) Toàn bộ diện tích đất trong thời gian cải tạo sau khi thanh lý vườn cây cà phê già cỗi và diện tích đất trồng cây ngắn ngày trước đây, Công ty tổ chức quản lý tập trung và liên kết với nhiều đối tác sản xuất, đa dạng cây trồng, có giá trị kinh tế và đầu ra sản phẩm ổn định, nhằm tạo nguồn thu cho công ty hoạt động, đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống, tạo thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên việc tìm kiếm đối tác còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19;

b) Cây chanh dây: Cuối tháng 9/2020, Công ty hợp tác với Công ty Thông đỏ, triển khai xuống giống sản xuất 7,53 ha chanh dây theo bộ tiêu chuẩn Globalgap, để nâng cao giá trị sản phẩm. Hiện vườn cây phát triển tốt và đang trong thời kỳ cho trái, tiếp tục triển khai đồng bộ quy trình chăm sóc, chỉ đạo tốt công tác phun thuốc BVTV, hạn chế phương tiện và những người không có phận sự ra vào khu vực sản xuất để tránh lây lan bệnh trên cây chanh dây. Thường xuyên tham vấn ý kiến của các nhà chuyên môn, nhân viên kỹ thuật để đầu tư chăm sóc và phòng ngừa bệnh cho vườn cây chanh dây;

c) Cây khoai tây: Cuối tháng 10 năm 2020 Công ty ký hợp tác với Công ty Orion -Vina để sản xuất 3,6 ha khoai tây, đã triển khai đồng bộ theo quy trình kỹ thuật đề ra. Song đây là loại cây trồng mới, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty còn nhiều hạn chế về chuyên môn, còn bị động trước diễn biến bất lợi của thời tiết, dẫn đến kết quả sản xuất cây khoai tây chưa thu được kết quả như mong muốn, lợi nhuận chưa cao.

2. Kết quả SXKD năm 2020:

2.1. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Chỉ tiêu	**Số tiền (VNĐ)**
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.540.942.406
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	299.540.942.406
4. Giá vốn hàng bán	296.807.433.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	2.733.509.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.069.082.797
7. Chi phí tài chính	3.445.828.450
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.445.828.450
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.822.264.106
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.465.500.609)
10. Thu nhập khác	1.844.426.597
11. Chi phí khác	334.019.600
13. Lợi nhuận khác	1.510.406.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	44.906.388
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	44.906.388

2.2. Tỷ suất lợi nhuận:

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần = *Lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần cung cấp SP/DV của công ty*	%	0,91

Tỷ suất lợi nhuận ròng/doanh thu (ROS) = *Lợi nhuận sau thuế/ tổng doanh thu thuần cung cấp SP/DV của công ty*	%	0,015
Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE) = *Lợi nhuận sau thuế/ tổng vốn chủ sở hữu bình quân của công ty*	%	0,27
Tỷ suất lợi nhuận/tài sản (ROA) = *Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân của công ty*	%	0,25
Vòng quay tổng tài sản = *Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân*	%	1.653
Vòng quay tài sản lưu động = *Doanh thu thuần/ Tổng tài sản lưu động bình quân của công ty*	%	4.238
Vòng quay tài sản cố định = *Doanh thu thuần/Tổng tài sản cố định bình quân của công ty*	%	2.745

2.3. Kết quả thực hiện ngân sách, dòng tiền thu- chi thực tế chi tiết của Công ty năm 2020:

Hạng mục nội dung	**Đơn vị tính**	**Tổng thực hiện năm**
Tổng dư đầu kỳ	Trđ	100
Tổng dòng tiền vào trong kỳ	Trđ	563.093
Tổng dòng tiền ra trong kỳ	Trđ	562.978
Tổng dư cuối kỳ	Trđ	215
Thu - chi chi tiết		
Tổng dòng tiền vào	Trđ	**563.093**
Tiền thu từ bán hàng	Trđ	296.701
Tiền thu từ đi vay	Trđ	259.722
Tiền thu từ thanh lý vườn cây cà phê	Trđ	601
Tiền thu từ đền bù giải phóng mặt bằng	Trđ	1.243
Tiền thu từ LKSX	Trđ	2.705
Tiền thu từ hoạt động tài chính	Trđ	2.048
Tiền thu khác	Trđ	73
Tổng dòng tiền ra	Trđ	**562.978**
Tiền chi mua gạo	Trđ	291.411
Tiền chi đầu tư sx cà phê	Trđ	3.543
Tiền chi đầu tư sx chanh dây	Trđ	1.265
Tiền chi đầu tư sx khoai tây	Trđ	450

Tiền chi trả cho người lao động	Trđ	1.452
Tiền chi trả lãi vay	Trđ	3.411
Tiền chi nộp ngân sách NN	Trđ	1.589
Tiền chi trả nợ vay	Trđ	258.872
Tiền chi khác (nộp BHXH, HĐTX)	Trđ	985

2.4. Đánh giá hiệu quả tình hình quản lý tài chính của công ty:

a) Về quản lý chi phí, giá vốn:

- Sản xuất cà phê của Công ty có tính chất đặc thù, chu kỳ sản xuất kinh doanh liên quan đến 02 niên độ tài chính; chăm sóc từ tháng 01đến tháng 10, thu hoạch vào trung tuần tháng 11 và tháng 12, phơi sấy, xay xát vào tháng 01 năm sau. Do đó, chi phí giá vốn năm 2020 là chủ yếu từ năm 2019 mang sang.

- Chi phí đầu tư sản xuất: Công ty xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dựa trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả; sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn UTZ, tìm hiểu thị trường chào giá cạnh tranh lựa chọn đơn vị cung cấp có giá ưu đãi nhất; chỉ đạo chặt chẽ quy trình đầu tư, chăm sóc; chi phí đầu tư sản xuất cà phê giảm 25% so với cùng kỳ năm trước.

b) Về quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp: Công ty quản lý chi phí trên nguyên tắc: minh bạch, công khai, tiết kiệm, hiệu quả, chi tiêu những chi phí thật sự cần thiết cho hoạt động của đơn vị; kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện nhu cầu yếu phẩm của các phòng ban; năm 2020 phát sinh chi phí tiền thuê đất (tăng 100 trđ) nhưng tổng chi phí quản lý của đơn vị chỉ bằng 65% so với cùng kỳ năm trước.

c) Về quản lý lưu kho:

- Công ty thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết vật tư, hàng hóa theo từng kho; hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cố định theo tháng;

- Năm 2020 Công ty mở sổ theo dõi 02 kho: kho nguyên vật liệu, vật tư phục phụ sản xuất và kho cà phê nhân xô;

+ Kho nguyên vật liệu, vật tư: Không có hàng tồn kho. Do tài chính của đơn vị còn hạn hẹp nên chỉ mua khi có nhu cầu theo kế hoạch SXKD hàng tháng;

+ Kho cà phê nhân xô: Vụ mùa 2019-2020 do hệ thống kho của Công ty không đảm bảo các tiêu chuẩn về lưu trữ sản phẩm, dễ dẫn đến ẩm, mốc, xuống cấp sản phẩm. Công ty đã tìm kiếm đối tác uy tín để ký hợp đồng ký gửi cà phê thông qua bảo lãnh tài sản tại ngân hàng Viettin bank Chi nhánh Đăk Nông – PGD Đăk Mil. Khi Công ty có nhu cầu về tài chính thì tiến hành chốt giá bán với số lượng theo nhu cầu, đến tháng 7/2020 đã chốt bán hết số lượng cà phê ký gửi. Hiện tại sản lượng cà phê mùa vụ 2020-2021 đang lưu trữ và bảo quản tại Công ty.

d) Về tình hình quản lý công nợ:

- Tình hình quản lý công nợ phải thu, nợ xấu khó đòi: Công ty không có các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi tồn đọng, đối với các khoản nợ phát sinh phòng TC – KT thực hiện mở sổ sách theo dõi, phản ánh kịp thời các khoản nợ phải thu và tình hình biến động các khoản nợ chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ; đôn đốc thu hồi nợ dứt điểm, kịp thời, đúng thời gian qui định.

- Tình hình quản lý công nợ phải trả, năng lực thanh toán công nợ: Thực hiện mở sổ sách theo dõi, phản ảnh kịp thời các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, nợ vay, nợ phải tra khác chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ; có kế hoạch trả nợ cụ thể, cân đối nguồn tài chính thực hiện thanh toán nợ đúng hạn. Tuy nhiên, do công ty đang trong giai đoạn chuyển đổi, ổn định sản xuất cùng với sự ảnh hưởng của những khó khăn nhất định của thị trường cà phê trong thời gian qua dẫn đến nguồn tài chính công ty eo hẹp nên việc thực hiện thanh toán công nợ đúng hạn là một sự cố gắng rất lớn và có sự đóng góp không nhỏ của Giám đốc Công ty.

e) Về tình hình quản lý tài sản, dòng tiền, vốn chủ sở hữu, vốn vay của công ty năm 2020:

- Quản lý tài sản, dòng tiền: Tài sản của Công ty bao gồm tài sản dài hạn (bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, lợi thế thương mại và các tài sản dài hạn khác), tài sản ngắn hạn (bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho và các tài sản ngắn hạn khác) và các tài sản khác mà Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật. Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm bảo toàn và quản lý, sử dụng tài sản hiệu quả nhất có thể, tránh để tài sản lãng phí, ứ đọng, thất thoát, kém phẩm chất.

- Quản lý, mua sắm tài sản cố đinh: TSCD được theo dõi chi tiết theo phân loại tài sản, trích khấu hao theo qui định hiện hành (Công ty áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Việc mua sắm, trang bị tài sản cố định, công cụ lao động chỉ thực hiện khi có nhu cầu phục vụ cho công tác quản lý và/ hoặc sản xuất, kinh doanh của Công ty;

- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: năm 2020 HĐQT đã phê duyệt tờ trình thanh lý vườn cây cà phê già cỗi hết chu kỳ khai thác với tổng diện tích thanh lý gần 95 ha; công ty thành lập hội đồng thanh lý tài sản thực hiện đấu giá công khai, minh bạch và đã thanh lý toàn bộ diện tích theo kế hoạch của Công ty. Hiện tại đang thực hiện liên kết trồng cây ngắn ngày trên diện tích này.

- Mua sắm hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ và công cụ lao động dùng cho sản xuất kinh doanh: Công ty chỉ thực hiện mua sắm những hàng hóa, công cụ dụng cụ thiết yếu phục vụ cho hoạt động của đơn vị. Hằng quý các phòng ban có kế hoạch mua văn phòng phẩm làm đề xuất gửi văn phòng tổng hợp trình kế toán trưởng và Giám đốc phê duyệt; phòng Kỹ thuật nghiệp vụ xây dựng kế hoạch nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Giám đốc phê duyệt. Giám đốc quyết định mua sắm hàng hóa,

nguyên nhiên vật liệu, công cụ dụng cụ theo quy định của Công ty và phân quyền mua sắm cho các bộ phận liên quan.

- Quản lý và sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: Công ty quản lý, sử dụng quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trên nguyên tắc tập trung, kịp thời, hiệu quả và tránh ứ đọng vốn. Đơn vị thực hiện thanh toán chủ yếu bằng hình thức chuyển khoản, hạn chế sử dụng tiền mặt. Mọi khoản thu, chi tiền mặt tiền gửi ngân hàng đều có chứng từ và phản ánh vào hệ thống sổ kế toán theo qui định. Định kỳ ban lãnh đạo công ty thực hiện kiểm kê quỹ hoặc có thể kiểm kê đột xuất khi cần thiết. Trong năm 2020 chưa xảy ra tình trạng thâm hụt quỹ. Cuối tháng kế toán thực hiện đối chiếu số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng kịp thời điều chỉnh nếu có sai sót.

- Tình hình quản lý "vốn chủ sở hữu, vốn vay": Vốn chủ sở hữu của công ty bao gồm; vốn góp của các cổ đông (95%); vốn nhà nước 5%. Hiện tại công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu, phân chia lợi nhuận do hoạt động SXKD chưa được mở rộng và lợi nhuận còn thấp. Trong năm 2020 vốn góp cổ đông ổn định không có sự biến động, có trường hợp chuyển nhượng lại vốn cổ phần từ cổ đông bên ngoài sang cho thành viên trong HĐQT (tỷ lệ sở hữu: 26,86%). Vốn của các cổ đông được quản lý, ghi chép, phản ánh đầy đủ trong sổ cổ đông.

- Vốn vay: Năm 2020 Công ty không phát sinh vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phục vụ hoạt động SXKD thường xuyên; chỉ vay tạm thời, vay ngắn hạn của đối tác phục vụ cho hoạt động thường xuyên với kỳ vọng giá cả thị trường cà phê biến động tăng công ty chốt giá thanh toán.

Phần II
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Mục tiêu chung

1. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, hệ thống quản lý, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp hướng tới hiệu quả và phát triển bền vững; tăng khả năng cạnh tranh khi tham gia thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nhất là hình thành vùng chuyên canh, vùng lõi, gắn với chế biến thành phẩm; trở thành hạt nhân trong việc liên kết và bao tiêu sản phẩm cho nông dân trên địa bàn huyện Đắk Mil.

2. Sử dụng nguồn vốn an toàn và hiệu quả; thu hút các nguồn lực xã hội và các đối tác chiến lược để đầu tư phát triển các dự án SXKD trong thời gian tới phù hợp với chiến lược phát triển và đảm bảo hiệu quả kinh tế.

3. Bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông sản, mở rộng lĩnh vực kinh doanh mua bán, đào tạo đội ngũ lao động lành nghề, chuyên nghiệp, tâm huyết đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

4. Xây dựng văn hoá làm việc và ứng xử trong công việc mang đậm bản sắc Công ty Cổ phần cà Phê Thuận An, nâng cao chế độ đãi ngộ và chính sách đối với CBCNV và người lao động của Công ty.

5. Xây dựng Công ty ổn định và không ngừng phát triển, trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong sản xuất, cung ứng và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Công tác quản trị và bổ sung nguồn nhân lực:

a) Công tác quản trị doanh nghiệp:

- Hoàn thiện các quy chế, chính sách hiện đang áp dụng tại Công ty, đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả lương cho người lao động, tạo tính cạnh tranh, thu hút nguồn nhân lực, cải thiện môi trường làm việc.

- Tiến hành đánh giá năng lực của CBCNV theo định kỳ, nhằm xem xét khả năng của từng người để có kế hoạch đào tạo hoặc tái đào tạo với mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của CBCNV.

- Sắp xếp và ổn định lại nhân sự, đảm bảo bố trí nhân sự đúng người, đúng việc. Cải tiến phương thức làm việc, giảm thiểu các công đoạn không làm giá trị tăng thêm, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc.

- Thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để tạo điều kiện cho CBCNV gắn bó lâu dài với Công ty. Tạo ra môi trường làm việc năng động, tích cực, thân thiện. Giúp CBCNV cân bằng giữa công việc và cuộc sống. Không ngừng nâng cao cơ cấu tổ chức, tạo tính năng động trong sự phát triển hướng tới sự hứng khởi trong công việc. Tạo tính cạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc để mọi người có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân.

- Tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm, các phong trào thể dục thể thao tạo điều kiện cho CBCNV có cơ hội giao lưu học hỏi, cũng như vui chơi giải trí để tái tạo lại sức lao động.

- Sàng lọc kỹ nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được những nhân viên thật sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình và sáng tạo, có hướng gắn bó lâu dài. Để Tuyển dụng bổ sung các vị trí, chức danh còn khuyết các vị trí còn thiếu phục vụ cho kế hoạch phát triển ngành nghề kinh doanh và phát triển sản xuất của Công ty.

b) Kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nguồn nhân sự:

STT	Chức danh công việc	Số lượng	Ghi chú
1	Phó Giám đốc phụ trách SXKD	01	
2	Trưởng phòng Kỹ thuật – Nghiệp vụ	01	
3	Kỹ sư nông nghiệp	02	- 01 quản lý kỹ thuật - 01 quản lý về BVTV
4	Đội trưởng cơ điện	01	
5	Công nhân trực tiếp sản xuất	19	
6	Bảo vệ đồng ruộng	02	
	Tổng số	**26**	

Trong đó: - Khối văn phòng : 05 người

- Khối sản xuất : 19 người
- Bảo vệ đồng ruộng : 02 người

2. Công tác tài chính:

a) Kế hoạch tài chính cho hoạt động SXKD:

- Doanh thu, giá vốn, lãi gộp:

STT	Hạng mục SXKD	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
1	Sản xuất cà phê nhân xô	3.610.818.600	3.905.901.675	(295.083.075)
2	Sản xuất khoai tây	679.495.200	635.542.848	43.952.352
3	Sản xuất chanh dây	3.012.000.000	1.218.709.673	1.793.290.327
4	Liên kết sx	2.289.037.000	800.000.000	1.489.037.000
5	Sản xuất đậu phụng	2.114.700.000	1.457.380.750	657.319.250
6	Sản xuất bắp giống	2.265.750.000	1.759.070.901	506.679.099
7	Sản xuất bí đỏ	552.000.000	362.349.866	189.650.134
8	Thu từ thanh lý vườn cây 14,061ha khu vực 1.	147.640.500	224.846.721	(77.206.221)
	Tổng cộng	**14.671.441.300**	**10.363.802.434**	**4.307.638.866**

- Chi phí, lợi nhuận trước thuế:

STT	Nội dung chi phí	Số tiền
1	Chi phí tiền thuê đất	400.000.000
2	Lãi vay	225.000.000
3	Chi phí QLDN Lương, BHXH, khấu hao, HĐTX)	3.000.000.000
4	Lợ nhuận trước thuế	682.638.866

b) Kế hoạch thu – chi tài chính:

TT	Hạng mục	Tổng
A	**Thu từ hoạt động sxkd**	**14.671.441.300**
1	Thu tiền bán cà phê nhân xô	3.610.818.600
2	Thu tiền bán khoai tây	679.495.200
3	Thu tiền bán chanh dây	3.012.000.000
4	Thu tiền liên kết SX	2.289.037.000
5	Thu tiền bán đậu phụng	2.114.700.000
6	Thu tiền bán bắp giống	2.265.750.000
7	Thu hoạch bí đỏ	552.000.000
8	Thu từ thanh lý vườn cây(14,061ha)	147.640.500
B	**Vay bổ sung vốn SXKD**	**5.000.000.000**
C	**Chi phí SXKD**	**19.231.637.879**

1	Chi chăm sóc và thu hoạch cây cà phê (40,376ha)	3.468.736.480
2	Chi chăm sóc và thu hoạch khoai tây (3,6ha)	36.000.000
	Chi chăm sóc và thu hoạch khoai tây (5ha) 2021 - 2022	648.850.000
3	Chi đầu tư sản xuất cây bí đỏ	362.349.866
4	Chi chăm sóc chanh dây	713.994.600
5	Chi đầu tư trồng mới (50,35ha) cà phê xen bơ	5.707.913.652
6	Chi phí thanh lý vườn cây (14,061ha)	103.770.180
7	Chi phí trồng dặm thay thế cây hư hỏng	38.571.450
8	Trồng xen canh bắp CP trên DT 50,35ha	1.759.070.901
9	Trồng xen canh đậu phụng trên DT 50,35ha	1.457.380.750
10	Xây dựng nhà màng chế biến sâu cà phê quả nhân, kết hợp vườn ươm cây giống trên quy mô 2.000 m2	1.000.000.000
11	Sữa chữa nhà kho	510.000.000
12	Chi phí thuê đất diện tích liên kết	800.000.000
13	Lãi tiền vay	225.000.000
14	Chi phí lương CBCNV, chi phí BHXH và chi HĐ thường xuyên	2.400.000.000

3. Công tác chỉ đạo sản xuất:

3.1. Đối với cà phê SXTT và hợp đồng Giao khoán, liên kết:

a) Đối với cà phê sản xuất tập trung:

- Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật phê phù hợp thực tiễn; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo kịp thời, đồng bộ quy trình đầu tư, chăm sóc. Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp thâm canh tăng năng suất, chất lượng vườn cây; cải tiến quy trình chăm sóc, đầu tư trong năm. Tổ chức tốt việc phun thuốc BVTV phòng bệnh trong mùa mưa, thuốc kiến trước mùa thu hoạch; tập trung trồng dặm các diện tích ở khu vực 2, 3 đảm bảo cho chất lượng vườn cây đồng đều và tăng năng suất cho những năm sau;

- Kiểm tra, khoanh vùng các khu vực cà phê hư hỏng, năng suất thấp đặc biệt là ở khu vực 1 để tiến hành tái canh theo kế hoạch, bảo đảm đầu tư kinh doanh vườn cây cà phê có lợi nhuận;

- Lên phương án, kế hoạch tưới nước cho cây cà phê mùa vụ 2021-2022 đảm bảo đủ lượng nước để cung cấp cho tất cả vườn cây trong thời kỳ ra hoa kết trái, đảm bảo cho vườn cây sinh trưởng và phát triển tốt;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất, phương án trồng mới diện tích 50,35 ha, tại khu vực sản xuất 2&4. Bố trí, sắp xếp lao động, đảm bảo mỗi công nhân nhận chăm sóc từ 2 ha trở lên để đảm bảo việc làm, thu nhập và hoàn thành nghĩa vụ đóng các khoản BH theo luật định.

b) Đối với cà phê khoán, liên kết*:* Hiện tại các hợp đồng giao nhận khoán, liên kết sản xuất vẫn còn thời hạn, tiếp tục kiểm tra, giám sát quy trình chăm sóc theo quy trình kỹ thuật, đảm bảo vườn cây sinh trưởng và phát triển tốt.

3.2. Đối với các loại cây ngắn ngày:

a) Đối với cây chanh dây: Tiếp tục triển khai và thực hiện đồng bộ quy trình chăm sóc theo tiêu chuẩn Global Gap, xây dựng phương án thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm;

b) Đối với các loại cây ngắn ngày khác:

- Xây dựng kế hoạch trồng, chăm sóc và thu hoạch cây bắp giống CP, cây đậu phụng, cây bí đỏ, trồng xen canh trên diện tích 50,35ha cà phê trồng mới;

- Diện tích đất trồng cây ngắn ngày còn lại: Tiếp tục tìm kiếm các đối tác hợp tác liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm, lựa chọn các loại cây ngắn ngày có giá trị kinh tế, năng suất, giá cả và đầu ra sản phẩm ổn định;

3.3. Mở rộng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh:

a) Mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh nông sản, kinh doanh phân bón để phục vụ cho sản xuất cũng như phân phối ra thị trường trên địa bàn, tạo nguồn thu chi trả cho chi phí hoạt động và đóng các khoản nghĩa vụ cho Nhà nước.

b) Xây dựng phương án chế biến, rang xay cà phê thành phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm cà phê, từng bước tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm cà phê của Công ty.

c) Xây dựng kế hoạch sửa chữa sân phơi, kho bãi phục vụ cho kế hoạch chế biến cà phê nhân năm 2021.

d) Hoàn thiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025 của Công ty.

e) Tuyển dụng nhân sự có chuyên môn để đáp ứng cho kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025 của Công ty.

**** Kế hoạch tổ chức sản xuất chi tiết.***

TT	Hạng mục công việc	Chi tiết công việc	Thời gian	Người thực hiện/Chủ trì	Phối hợp	Kết quả đạt được
1	Chăm sóc và thu hoạch cây khoai tây	Tưới nước	Tháng 01	Người nhận khoán	Đội sản xuất	- Vườn cây sạch sâu bệnh - Đảm bảo lượng nước cho cây sinh trưởng và phát triển; - Thu hoạch củ khi đạt các quy cách, chất lượng
		Phun thuốc BVTV				
		Thu hoạch				
2	Chăm sóc và thu hoạch cây cà phê (diện tích 40,376 ha)	Tưới nước, cắt cành, tạo tán	Tháng 01-03/2021	Công nhân, người lao động	Đội sản xuất, phòng KT-NV	- Vườn cây phát triển tốt, không sâu bệnh, năng suất dự kiến/ha: 12.000kg cà phê quả tươi
		Làm cỏ, đánh chồi, cắt cành tăm	Tháng 4 - 10/2021			
		Bón phân	Tháng 5,7,9			
		Phun thuốc BVTV	Tháng 5,9			

		Rong cây che bóng	Tháng 6,10			
		Bôi thuốc kiến, thu hoạch	Tháng 11,12			
		Kiểm kê các cây cà phê bị gỉ sắt	Tháng 12	Phòng KTNV	Phòng TCKT	- Có biên bản xác định số lượng cây bị gỉ sắt, có đề xuất phương án thanh lý, cải tạo
3	Thanh lý, nhổ bỏ 14,061ha cà phê khu vực 1	Lập đoàn kiểm kê, đánh giá chất lượng vườn cây, khoanh vùng, xác định diện tích cần cải tạo	Tháng 01	Người lao động nhận khoán	Đội sản xuất, phòng KT-NV	- Có biên bản của chuyên gia đánh giá số diện tích xấu, kém chất lượng, không hiệu quả để xây dựng phương án - Đất đai được dọn dẹp sạch sẽ, cài ải phơi đất và cải tạo bằng cách trồng các cây họ đậu lấy phụ phẩm nông nghiệp tủ gốc (trồng mới)
		Nhổ bỏ hoặc ghép cải tạo	Tháng 02,3,4			
		Cày bừa, phơi ải đất (trồng mới)	Tháng 3,4			
		Xuống giống các cây ngắn ngày	Từ tháng 5-8/2021			
4	Trồng dặm bổ sung, thay thế cây hư hỏng,chết trên diện tích cà phê sản xuất tập trung	Lập đoàn kiểm kê, xác định số lượng cây trồng dặm	Tháng 3	Đội sản xuất	Phòng KTNV, TCKT	- Có biên bản kiểm kê số lượng cây trồng dặm - Đảm bảo xuống giống đúng quy trình kỹ thuật, đạt tỷ lệ cây sống 100%
		Đào hố, phơi đất		Công nhân	Đội sản xuất	
		Chuẩn bị vật tư (giống, phân bón)	Tháng 4	Phòng KTKV	Phòng TCKT	
		Bón phân, xả thành, lấp hố	Tháng 5	Công nhân	Đội sản xuất	
		Xuống giống trồng dặm				
5	Chăm sóc và thu hoạch cây chanh dây (diện tích 7,53ha)	Làm cỏ	Chu kì 2 tháng một lần	Công nhân, người lao động nhận khoán	Đội sản xuất, phòng KT-NV	- Vườn cây sinh trưởng, phát triển tốt. Dự kiến tỷ lệ quả loại 1 sau khi thu hoạch đạt 60%.
		Tưới nước	Thường xuyên, khi			

			thời tiết nắng			
		Phun thuốc BVTV, phân bón lá	Khi phát hiện sâu bệnh			
		Bón phân				
		Tỉa cành, tạo tán, buộc cây leo giàn, cắt cành vô hiệu	Thường xuyên			
		Thu hoạch	Bắt đầu thu bói từ tháng 4 tới khi thu hoạch xong			
6	Xuống giống trồng mới cây cà phê xen canh cây bơ diện tích 50,35ha (Khu vực 2: 8ha, khu vực 4: 42,35ha)	Chuẩn bị đất, vật tư (giống, phân bón, thuốc BVTV)	Tháng 4	Công nhân, người nhận khoán, đội sản xuất	Phòng KTTC, KTNV	- Đảm bảo xuống giống đúng quy trình kỹ thuật, tiến độ, đạt tỷ lệ cây sống 85-90% vào cuối năm - Người lao động nhận ít nhất một ngươi 2 ha để đảm bảo thu nhập.
		Thiết kế lô thửa, hố trồng, khoan hố trồng cây				
		Trồng cây che bóng chắn gió				
		Thiết kế, lắp hệ thống tưới				
		Bón phân lót, xả hố trồng cây	Tháng 5			
		Trồng mới	Tháng 6			
		Rong tỉa muồng hoa vàng, trồng dặm, phun thuốc BVTV	Tháng 7			
		Làm cỏ, Làm cỏ bờ lô	Tháng 6 tới tháng 10			
		Bón phân, phun phân bón lá	Tháng 7 và tháng 9			
		Tỉa cành bơ	Tháng 10			

		Tủ gốc	Tháng 11			
		Tưới nước	Tháng 12			
7	Trồng xen canh cây bắp giống CP trên toàn bộ diện tích cà phê trồng mới diện tích 50,35ha	Chuẩn bị vật tư, giống	Tháng 4	Công nhân, người nhận khoán, đội sản xuất	Phòng KTTC, KTNV	- Vườn cây sinh trưởng và phát triển tốt kết hợp với việc lấy phụ phẩm tủ gốc cho cây cà phê; - Tăng doanh thu trong thời gian kiến thiết cơ bản vườn cây cà phê.
		Rạch hàng, bón lót, gieo hạt	Tháng 5,tháng 6			
		Bón phân				
		Phun thuốc BVTV				
		Làm cỏ, vun gốc				
		Tưới nước	Khi thời tiết không mưa			
		Rút cờ	Tháng 7			
		Chặt cây bố	Tháng 7			
		Thu hoạch, vận chuyển	Tháng 8			
8	Trồng xen canh cây đậu phụng trên toàn bộ diện tích cà phê trồng mới diện tích 50,35ha	Chuẩn bị vật tư, giống, làm đất	Tháng 8	Công nhân, người nhận khoán, đội sản xuất	Phòng KTTC, KTNV	
		Rạch hàng, bón lót, gieo hạt	Tháng 8			
		Làm cỏ, bón phân, vun gốc	Tháng 9,10			
		Xịt thuốc BVTV				
		Thu hoạch	Tháng 11			
9	Trồng, chăm sóc, thu hoạch cây bí đỏ (diện tích 4,6ha)	Chuẩn bị giống, vật tư	Tháng 2	Phòng KTNV	Phòng TCKT	- Xuống giống đúng thời gian, quy trình định mức - Vườn cây phát triển tốt, không sâu bệnh - Dự kiến năng suất đạt 12.000 kg/ha
		Cày đất		Người nhận khoán, công nhân	Đội sản xuất, phòng KTNV	
		Khoan hố				
		Xả hố, bón lót phân				
		Lắp đặt hệ thống tưới				

		Xuống giống cây trồng				
		Tưới nước	Tháng 2 đến tháng 5			
		Bón phân				
		Làm cỏ				
		Phun thuốc BVTV				
		Bắt dây, bấm ngọn				
		Thu hoạch	Tháng 5			
		Vận chuyển quả nhập kho				
10	Xây dựng nhà màng chế biến sâu cà phê quả nhân; kết hợp vườn ươm cây giống trên quy mô 2.000 m2	Lựa chọn khu vực xây dựng, lên thiết kế, dự toán chi phí	Tháng 10	Phòng KTNV	Phòng TCKT	- Nhà màng phơi cà phê kết hợp vườn ươm cây giống quy mô 2.000 m2 đúng theo yêu cầu kỹ thuật thiết kế
		Chuẩn bị vật tư		Phòng TCKT	Phòng KTNV	
		Lắp ráp, hoàn thiện vận hành	Tháng 10,11	Người nhận khoán	Phòng KTNV	
11	Sữa chữa nhà kho	Kiểm tra, rà soát độ hư hỏng, lên dự trù chi phí	Tháng 7	Phòng KTNV		- Nhà kho được sữa chữa hoàn thiện đảm bảo thông thoáng, không ẩm mốc
		Chuẩn bị vật tư	Tháng 8	Phòng TCKT	Phòng KTNV	
		Tiến hành sữa chữa, hoàn thiện nghiệm thu đưa vào sử dụng	Tháng 9	Người nhận khoán		
12	Liên kết sản xuất cây ngắn ngày	Tìm kiếm các đối tác hợp tác liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm các sản phẩm cây ngắn ngày. Tổ chức xuống	Tháng 5	Người liên kết		- Tạo doanh thu cho Công ty, đảm bảo tạo công ăn việc làm cho người lao động Công ty.

		giống các cây ngắn ngày có giá trị, năng suất hiệu quả hơn;				
13	Chăm sóc và thu hoạch cây khoai tây vụ 2021-2022	Làm đất, chuẩn bị vật tư(giống, phân bón, thuốc BVTV,...)	Cuối tháng 10	Phòng KTNV	Phòng TCKT	- Vườn cây trưởng và phát triển tốt, sạch sâu bệnh; - Năng suất dự kiến 1 ha là 18.000kg.
		Xuống giống cây trồng	Đầu tháng 11	Người nhận khoán	Phòng KTNV	
		Chăm sóc (làm cỏ, vun luống, bón thúc phân bón, phun thuốc BVTV, tưới nước,....)	Tháng 11,12 và tháng 01/2022			
		Thu hoạch, vận cuyển nhập kho	Đầu tháng 2 năm 2022			

III. Kiến nghị và đề xuất

1. Để kế hoạch SXKD của công ty năm 2021 và những năm tiếp theo thực hiện đúng kế hoạch, đề nghị Hội đồng quản trị quan tâm chỉ đạo và đồng ý chủ trương cho công ty tuyển dụng thêm các chức danh, vị trí chuyên môn, lao động còn thiếu theo kế hoạch tuyển dụng năm 2021 của công ty. Phê duyệt kế hoạch mở thêm phòng Kinh doanh tổng hợp để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT thường xuyên quan tâm đến kế hoạch tài chính để bổ sung nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án kinh doanh; đồng ý cho công ty vay 5 tỷ đồng để đầu tư 50,35 ha mới dọc tuyến Khu vực 4, để đầu tư phát triển theo kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 của công ty.

3. Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT thường xuyên quan tâm và chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án sản xuất các loại cây trồng theo các tiêu chuẩn nông nghiệp bền vững để tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm. Xây dựng các mô hình sản xuất theo các tiêu chuẩn UTZ, Vietgap, Globalgap áp dụng công nghệ mới, cùng với xây dựng thương hiệu sản phẩm của công ty.

4. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm của công ty, làm cơ sở công ty triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 và một số kiến nghị, đề xuất của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An, kính trình Chủ tịch và các thành viên HĐQT xem xét chỉ đạo để công ty trình ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Một

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020

Đắk Nông, tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Một	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Duy	Thành viên	
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2020)
Bà Trịnh Thị Mai Dung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2020)
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2020)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Một	Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Lương Thanh Bình	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Đắk Nông, ngày 01 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc

M.S.D.N: 6000173846 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN - H. ĐẮK MIL - T. ĐẮK NÔNG

Lê Văn Một

UHY Co Ltd

Số: 01.010321/BCKT UHY MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021062-002
CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Nguyễn Duy Tuấn
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1951-2018-112-1

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3337-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Chi nhánh Miền Trung
Nghệ An, ngày 01 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**7.747.525.332**	**6.385.928.145**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**215.576.254**	**99.936.256**
111	1. Tiền		215.576.254	99.936.256
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.945.973.846**	**1.933.967.746**
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	4	1.945.973.846	1.933.967.746
140	**IV. Hàng tồn kho**	**5**	**5.585.975.232**	**4.343.706.326**
141	1. Hàng tồn kho		5.585.975.232	4.343.706.326
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**-**	**8.317.817**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	-	8.317.817
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**10.373.913.234**	**11.733.568.668**
220	**II. Tài sản cố định**		**10.191.320.994**	**11.628.822.308**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	10.191.320.994	11.628.822.308
222	*- Nguyên giá*		*21.247.260.021*	*24.650.251.511*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(11.055.939.027)*	*(13.021.429.203)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**69.788.527**	**69.788.527**
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		69.788.527	69.788.527
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**112.803.713**	**34.957.833**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	112.803.713	34.957.833
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**18.121.438.566**	**18.119.496.813**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.919.888.331**	**1.963.751.766**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**1.919.888.331**	**1.963.751.766**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	337.431.520	96.400.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	489.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	44.378.671	54.979.287
314	4. Phải trả người lao động		163.019.906	414.128.078
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		7.333.200	7.778.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	11	1.364.029.633	419.771.000
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8	1.000.000	301.000.000
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	140.000.000
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.695.401	40.695.401
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**16.201.550.235**	**16.155.745.047**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**12**	**16.200.651.435**	**16.155.745.047**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		16.136.900.000	16.136.900.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*16.136.900.000*	*16.136.900.000*
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		63.751.435	18.845.047
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*18.845.047*	-
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*44.906.388*	*18.845.047*
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**898.800**	-
431	1. Nguồn kinh phí		898.800	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**18.121.438.566**	**18.119.496.813**

Đắk Nông, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Định	Lê Thị Định	Lê Văn Một

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	13	**299.540.942.406**	**1.079.982.000**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**299.540.942.406**	**1.079.982.000**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	14	**296.807.433.256**	**56.238.115**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.733.509.150**	**1.023.743.885**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	2.069.082.797	1.636.046
22	7. Chi phí tài chính	16	3.445.828.450	9.108.000
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*3.445.828.450*	*9.108.000*
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	2.822.264.106	1.671.867.574
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(1.465.500.609)**	**(655.595.643)**
31	11. Thu nhập khác	18	1.844.426.597	786.843.000
32	12. Chi phí khác	19	334.019.600	72.819.439
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.510.406.997**	**714.023.561**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**44.906.388**	**58.427.918**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	-	39.582.871
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**44.906.388**	**18.845.047**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	21	**28**	**12**
71	**19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**		**28**	**12**

Đắk Nông, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Định	Lê Thị Định	Lê Văn Một

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Theo phương pháp gián tiếp

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***	***44.906.388***	***58.427.918***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	1.212.260.059	472.146.055
03	- Các khoản dự phòng	-	140.000.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(397.458.971)	46.655.393
06	- Chi phí lãi vay	3.445.828.450	9.108.000
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***4.305.535.926***	***726.337.366***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(12.006.100)	(7.511.400)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(1.112.791.737)	(2.307.350.661)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	389.529.382	1.354.548.303
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(69.528.063)	(38.806.066)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.445.828.450)	(9.108.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(39.582.817)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	79.625.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(222.388.369)	(300.000.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***	***(207.060.228)***	***(502.265.458)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	601.880.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.800.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.800.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	20.820.226	1.636.046
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***	***622.700.226***	***1.636.046***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	3. Tiền thu từ đi vay	260.022.000.000	300.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(260.322.000.000)	-
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***	***(300.000.000)***	***300.000.000***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**115.639.998**	**(200.629.412)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**99.936.256**	**300.565.668**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**215.576.254**	**99.936.256**

Đắk Nông, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Định	Lê Thị Định	Lê Văn Một

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 163/QĐ-UB ngày 15/3/1993 của UBND tỉnh Đắk Lắk và được chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 01/7/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông. Công ty chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 25/07/2019. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000173846 ngày 01/7/2010, thay đổi lần thứ 1 ngày 25/7/2019 (chuyển sang CTCP) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 16.136.900.000 đồng. Vốn thực góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 là 16.136.900.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Trồng, chăm sóc, thu hoạch sản phẩm cây cà phê và cây ngắn ngày; Mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, giống cây trồng, giống vật nuôi); Mua bán cà phê; Kinh doanh mua, bán xăng dầu, chất bôi trơn động cơ; Kinh doanh dịch vụ tổng hợp (mua bán nông sản, hàng hoá, dịch vụ rửa xe, đậu, đỗ xe, ăn uống...).

1.3 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính như sau:

Tên đơn vị:	Địa chỉ:
Trụ sở chính	Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 88 người (tại ngày 31/12/2019 là 129 người).

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2020, Công ty mở rộng kinh doanh thương mại sản phẩm gạo dẫn tới doanh thu bán hàng năm nay tăng mạnh hơn so với năm 2019.

2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.3 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

(i) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

(ii) Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Dự phòng nợ phải thu khó đòi còn được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá xuất hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.7 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-30 năm
- Máy móc, thiết bị	06-12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10-15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08 năm
- Vườn cây lâu năm	15-40 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

2.9 . Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

(i) Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

(ii) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

2.10 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh khi mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước, như: Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa, vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất; Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau khi trái phiếu đáo hạn; Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

2.15 . Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

2.16 . THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.17 . Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	138.877.058	2.696.045
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.699.196	97.240.211
Tổng	**215.576.254**	**99.936.256**

4 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**1.945.973.846**	-	**1.933.967.746**	-
- Ông Hoàng Hải (*)	501.520.677	-	501.520.677	-
- Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang (*)	286.473.231	-	286.473.231	-
- Ông Trần Quang Hiển (*)	516.005.870	-	516.005.870	-
- Ông Phan Hồng Hải (*)	114.651.823	-	-	-
- Ông Trần Đình Thuận (*)	391.965.922	-	-	-
- Ông Trần Ngọc Vĩnh (*)	114.651.823	-	-	-
- Ông Trịnh Quốc Bình	-	-	621.269.568	-
- Phải thu khác	20.704.500	-	8.698.400	-

(*) Khoản phải thu các cổ đông lớn góp vốn ở Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An liên quan đến việc kế thừa phần âm vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, căn cứ vào Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 30/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông và tờ trình số 06/TTr_TAN ngày 07/04/2020 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.155.000	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	5.408.343.063	-	4.343.706.326	-
Thành phẩm	129.477.169	-	-	-
Tổng	**5.585.975.232**	**-**	**4.343.706.326**	**-**

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	**8.317.817**
- Giá trị còn lại Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	8.317.817
b) Dài hạn	**112.803.713**	**34.957.833**
- Giá trị còn lại Công cụ, dụng cụ xuất dùng	112.803.713	34.957.833

8 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 2

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**337.431.520**	**337.431.520**	**96.400.000**	**96.400.000**
- Công ty Cổ phần Quốc tế Thông Đỏ	111.520.000	111.520.000	-	-
- Công ty TNHH thực phẩm Orion Vina	187.500.000	187.500.000	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trịnh Lưu	-	-	52.400.000	52.400.000
- Đinh Thị An	-	-	44.000.000	44.000.000
- Phải trả người bán khác	38.411.520	38.411.520	-	-

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN	39.582.871	-	39.582.817	54
Thuế TNCN	14.413.486	79.177.526	50.383.203	43.207.809
Thuế nhà đất	-	1.496.127.750	1.495.939.872	187.878
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí	982.930	-	-	982.930
Trong đó				
- Trình bày là phải trả	54.979.287			44.378.671

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	**1.364.029.633**	**419.771.000**
- Kinh phí công đoàn	43.622.378	25.961.000
- Phải trả về cổ phần hóa	-	93.810.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.320.407.255	300.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Dư đầu năm trước	**16.136.900.000**	**-**	**16.136.900.000**
Lãi trong năm trước	-	18.845.047	18.845.047
Dư cuối năm trước	**16.136.900.000**	**18.845.047**	**16.155.745.047**
Lãi trong năm nay	-	44.906.388	44.906.388
Dư cuối năm nay	**16.136.900.000**	**63.751.435**	**16.200.651.435**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	806.850.000	5,00	806.850.000	5,00
Ông Hoàng Hải	3.500.000.000	21,69	3.500.000.000	21,69
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	2.000.000.000	12,39	2.000.000.000	12,39
Ông Trần Quang Hiển	3.600.000.000	22,31	3.600.000.000	22,31
Ông Trịnh Quốc Bình	-	-	4.335.050.000	26,86
Ông Trần Đình Thuận	2.735.000.000	16,95	-	-
Cổ đông khác	3.495.050.000	21,66	1.895.000.000	11,74
Tổng	**16.136.900.000**	**100,00**	**16.136.900.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*16.136.900.000*	*16.136.900.000*
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	*16.136.900.000*	*16.136.900.000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.613.690	1.613.690
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.613.690	1.613.690
- Cổ phiếu phổ thông	*1.613.690*	*1.613.690*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.613.690	1.613.690
- Cổ phiếu phổ thông	*1.613.690*	*1.613.690*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

13 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán gạo	292.882.492.500	-
Doanh thu cà phê thu khoán bằng tiền	6.658.449.906	1.079.982.000
Tổng	**299.540.942.406**	**1.079.982.000**

14 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán gạo	291.410.570.230	-
Giá vốn trong năm của các hoạt động kinh doanh khác	5.396.863.026	56.238.115
Tổng	**296.807.433.256**	**56.238.115**

15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	20.820.226	1.636.046
Lãi do khách hàng chậm thanh toán	2.048.262.571	-
Tổng	**2.069.082.797**	**1.636.046**

16 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	3.445.828.450	9.108.000
Tổng	**3.445.828.450**	**9.108.000**

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.591.162.277	1.132.216.708
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.385.397	17.212.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	568.064.722	250.722.185
Chi phí thuế, phí, lệ phí	139.465.768	68.833.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.418.372	22.087.586
Chi phí bằng tiền khác	309.767.570	180.795.107
Tổng	**2.822.264.106**	**1.671.867.574**

18 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ - vườn cây cà phê và muồng đen	601.880.000	786.833.000
Thu từ đền bù giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất	1.241.846.000	-
Tiền phạt thu được	700.000	-
Các khoản khác	597	10.000
Tổng	**1.844.426.597**	**786.843.000**

19 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)	225.241.255	72.819.439
Tiền thuê đất tương ứng diện tích vườn cà phê đã thanh lý	107.433.083	-
Các khoản khác	1.345.262	-
Tổng	**334.019.600**	**72.819.439**

(*) Công ty chưa bù trừ khoản thu nhập và thanh lý TSCĐ khi lập và trình bày BCTC.

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất

Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động trồng, khai thác và bán thanh lý vườn cà phê theo quy định tại khoản 1, điều 8, Thông tư 78/2014/TT- BTC ngày 18/6/2014 do Bộ tài chính ban hành.

Đối với các hoạt động khác, áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận trước thuế	44.906.388	58.427.918
Lợi nhuận từ hoạt động bán gạo	*(162.661.342)*	-
Lợi nhuận từ hoạt động thu khoán cà phê	*(1.500.729.791)*	*(728.405.082)*
Lợi nhuận từ hoạt động bán thanh lý vườn cây cà phê	*1.618.484.745*	*786.833.000*
Điều chỉnh tăng	151.345.862	139.486.439
- *Chi phí không hợp lý hợp lệ*	*1.345.262*	*139.486.439*
- *Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách*	*150.000.600*	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	196.252.250	197.914.357
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-	197.914.357
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**39.582.871**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	44.906.388	18.845.047
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.906.388	18.845.047
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.613.690	1.613.690
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**28**	**12**

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Vay và trả gốc vay			
- Lê Văn Một	Giám đốc	150.000.000	-
- Lê Thị Định	Kế toán trưởng	400.000.000	300.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Vay			
- Lê Thị Định	Kế toán trưởng	-	300.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	315.558.750	70.000.000

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 25/7/2019 (ngày ĐKKD công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Miền Trung.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại theo Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 30/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông và tờ trình số 06/TTr_TAN ngày 07/04/2020 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An về việc các cổ đông lớn góp vốn ở Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An kế thừa phần âm vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng Cân đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	1.933.967.746	8.698.400	1.925.269.346
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18.845.047	(1.906.424.299)	1.925.269.346

Đắk Nông, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Định	Lê Thị Định	Lê Văn Một

M.S.D.N: 6000173846 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
H. ĐẮK MIL - T. ĐẮK NÔNG

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**12.813.887.351**	**203.478.000**	**952.500.800**	**418.850.000**	**10.261.535.360**	**24.650.251.511**
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	(3.402.991.490)	(3.402.991.490)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	*(3.200.127.244)*	*(3.200.127.244)*
- Giảm do Nhà nước thu hồi đất	-	-	-	-	*(202.864.246)*	*(202.864.246)*
Số dư cuối năm	**12.813.887.351**	**203.478.000**	**952.500.800**	**418.850.000**	**6.858.543.870**	**21.247.260.021**
Trong đó:						
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	*2.806.041.351*	*203.478.000*	*952.500.800*	-	*3.007.100.659*	*6.969.120.810*
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	**5.919.629.935**	**203.478.000**	**881.062.821**	**206.812.668**	**5.810.445.779**	**13.021.429.203**
Số tăng trong năm	633.775.640	-	71.437.979	38.300.004	468.746.436	1.212.260.059
- Khấu hao trong năm	*633.775.640*	-	*71.437.979*	*38.300.004*	*468.746.436*	*1.212.260.059*
Số giảm trong năm	-	-	-	-	(3.177.750.235)	(3.177.750.235)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	*(2.974.885.989)*	*(2.974.885.989)*
- Giảm do Nhà nước thu hồi đất	-	-	-	-	*(202.864.246)*	*(202.864.246)*
Số dư cuối năm	**6.553.405.575**	**203.478.000**	**952.500.800**	**245.112.672**	**3.101.441.980**	**11.055.939.027**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	6.894.257.416	-	71.437.979	212.037.332	4.451.089.581	11.628.822.308
Tại ngày cuối năm	**6.260.481.776**	-	-	**173.737.328**	**3.757.101.890**	**10.191.320.994**

Theo Biên bản kiểm kê số 01/2021/BB-TAN ngày 14/01/2021 về việc các diện tích cà phê hư hỏng, năng suất kém tại khu vực 1, Công ty xác định diện tích đã hư hỏng, năng suất kém là 7.059 ha, tương đương số tiền 681.946.983 đồng.

Phụ lục 2 : VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay ngắn hạn

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông (i)	1.000.000	1.000.000	-	-	1.000.000	1.000.000
- Công ty TNHH MTV Kiều Thóa	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	-	-	258.322.000.000	258.322.000.000	-	-
- Vay cá nhân	-	-	700.000.000	1.000.000.000	300.000.000	300.000.000
Tổng	**1.000.000**	**1.000.000**	**260.022.000.000**	**260.322.000.000**	**301.000.000**	**301.000.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Khoản vay tồn tại từ lâu với Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông. Đây là công nợ nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An, giá trị gốc vay và tiền lãi sẽ được xác định căn cứ vào thống nhất của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông với các bên có liên quan. Theo Công văn 396/CV-BCĐCPH của Ban chỉ đạo cổ phần hóa tỉnh Đắk Nông ngày 28/02/2020 về việc xử lý lãi tiền vay tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam huyện Đắk Mil của Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An: Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ đã được thể hiện trên Báo cáo tài chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, điều này đồng nghĩa: Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An chỉ có nghĩa vụ trả nợ đối với số dư 1.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ..../BC-HĐQT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Mil, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Hoạt động năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP cà phê Thuận An

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Cà phê Thuận An đã được Đại hội cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả hoạt động 2020 và định hướng hoạt động 2021 trình ĐHĐCĐ như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

1. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2020

- Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 01 quý họp 01 lần. Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 08 cuộc họp nhằm kiểm tra tình hình thực hiện và đưa ra các mục tiêu, biện pháp làm cơ sở cho Giám đốc thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ đề ra. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp để thống nhất chủ trương về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 công ty CP Cà phê Thuận An; thống nhất chọn đơn vị kiểm toán; thống nhất chủ trương cho thanh lý vườn cây cà phê hư hỏng, tuyến trùng gây hại và năng suất kém tại khu vực 1 với quy mô 14,061 ha; cho ý kiến về việc bổ nhiệm kế toán trưởng và trưởng phòng kỹ thuật nghiệp vụ công ty…;
- Ngoài các cuộc họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề có liên quan đến các định hướng về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty;
- Ngoài ra, trong năm có 01 thành viên Hội đồng quản trị viết đơn xin từ nhiệm, hiện tại số lượng thành viên HĐQT còn 04 người.

2. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

Trong năm 2020, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt;

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt, trên tinh thần tiết kiệm hiệu quả, nhất là cắt giảm các chi phí quản lý doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ với người lao động, không để chậm lượng, nợ bảo hiểm, nợ thuế nhà nước mặc dù với một năm kinh tế khó khăn, dịch bệnh COVID lan rộng, kéo dài chưa được kiểm soát; giá cả thị trường cà phê xuống thấp trong năm;

Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2020

Về thù lao của HĐQT năm 2020:

- Đối với Chủ tịch HĐQT, mức thù lao chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân là 2,5 triệu đồng/người/tháng.

- Đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách, mức thù lao chưa bao gồm thuế thu nhập các nhân là 2 triệu đồng/người/tháng.

- Đối với các thành viên HĐQT chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành tại Công ty: hưởng lương theo chế độ tiền lương của Công ty.

II. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020:

1. ***Về sản xuất kinh doanh*****:** Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán và số liệu theo Báo cáo của Giám đốc, số liệu và báo cáo của Ban Kiểm soát.

2. ***HĐQT đã chỉ đạo trích lập các Quỹ theo phê duyệt của ĐHĐCĐ và thực hiện chi trả cổ tức năm 2020***: không chi trả cổ tức.

3. ***HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành việc chỉnh sửa, ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An, bổ sung lần thứ nhất*** ngày 27/6/2020 trên cơ sở tuân thủ Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 phê duyệt.

4. ***HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành việc đăng ký bổ sung nghành, nghề kinh doanh*** của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN NĂM 2020:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị doanh nghiệp, HĐQT xác định nâng cao chất lượng quản trị Công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Thuận An nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các quy chế, quy định để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

- Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, Quy chế của Công ty và đã thực hiện thực hiện theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đề ra. Trong hoạt động kinh doanh, đã chủ động bước đầu trong việc tổ chức sản xuất nông nghiệp với phương châm lấy ngắn nuôi dài, từng bước ổn định và tạo nguồn thu nhập cho công ty, cụ thể: trong hoạt động sản xuất kinh doanh cây cà phê, cây trồng ngắn ngày,…; thu các khoản đầy đủ từ các hợp đồng liên kết, không để nợ và khoản nợ xấu xảy ra; đời sống công nhân, người lao động đảm bảo. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2020 còn thấp (44 triệu đồng).

- Đối với các cán bộ quản lý các Phòng, Đội đều thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công; công tác nhân sự thực hiện nghiệm túc, bộ máy tinh gọn. Tuy nhiên, một số cán bộ, người lao động còn bị động, phương pháp làm việc chưa khoa học, tư tưởng làm việc còn chưa hết mình, còn đối phó; công tác chỉ đạo đội chưa sâu sát, dẫn đến có nhiều sai sót cần phải chấn chỉnh, khắc phục.

- Báo cáo tình hình quản trị của Công ty được công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Song Ban điều hành cần lưu tâm một số vấn đề sau:

Thứ nhất, về công tác nhân sự, cần lựa chọn và tuyển dụng đội ngũ người lao động đúng theo ngành nghề công ty đang cần, sàn lọc một số bộ phận người lao động không đáp ứng yêu cầu chuyên môn, tư tưởng không cầu thị, tiến bộ, có động cơ không trong sáng khi làm việc tại công ty;

Thứ hai, về hoạt động sản xuất kinh doanh cần xây dựng chiến lược kinh doanh rõ nét hơn, nhất là giai đoạn 2021-2025 để Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến, cũng như vấn đề vay vốn phát triển kinh doanh thời gian tới kịp thời;

Thứ ba, về tổ chức sản xuất cũng cần áp dụng mô hình kinh tế hiệu quả, hướng tới xây dựng thương hiệu, sản phẩm an toàn;

Thứ tư, tiếp tục thực hiện quản trị tài chính hiệu quả, trên tinh thần tiết kiệm; tổ chức mua sắm theo phương thức chào giá, mục đích mang lại giá tốt nhất công ty; quản lý đất đai chặt chẽ, không để lấn chiếm;

Thứ năm, cố gắng tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, đưa ra những giải pháp phù hợp, góp phần đưa doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, hoàn thành mục tiêu đặt ra trong năm 2021.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021:

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, thực hiện công tác quản trị Công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 của Công ty.

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và bám sát chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục chỉ đạo việc sắp xếp lại nhân sự, tuyển dụng thêm các nhân sự có chuyên nghành phù hợp với mục tiêu sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả, cơ cấu lại thành viên HĐQT.

- Nghiên cứu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trên toàn bộ địa bàn.

- Cho chủ trương thông qua các điều lệ, quy chế hoạt động của công ty và các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và xin ý kiến Đại hội cổ đông một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội cổ đông quyết định.

- Thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời cũng chỉ đạo Giám đốc chấn chỉnh thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

- Chỉ đạo việc tổ chức Đại hội thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD mà Đại hội cổ đông đã thông qua.

- Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan.

- Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của luật chứng khoán áp dụng cho công ty đại chúng.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021. Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ xem xét.

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/BC-BKS	*Đắk Mil, ngày tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO
V/V: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An sửa đổi đã được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua ngày 27/6/2020;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS trong năm 2020, và phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

PHẦN I

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC GIAO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

I. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2020

Kể từ khi diễn ra Đại hội cổ đông thường niên 2020 ngày 27/6/2020 đến ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Ban kiểm soát Công ty đã họp 02 phiên để triển khai các chức năng, nhiệm vụ của Ban, ngoài ra các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thống nhất qua điện thoại và e-mail. Nội dung các phiên họp của Ban Kiểm soát đều được các thành viên thống nhất thông qua.

Thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 27/6/2020 và được phân bổ chi tiết cho từng chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát với định mức theo chức danh (thực nhận sau khi khấu trừ thuế TNCN):

- Trưởng Ban Kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng theo Quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

II. Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty

Thực hiện Khoản 1, Điều 48, Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thường niên 2020 thông qua ngày 27/6/2020, BKS thực hiện đánh giá về hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc trong năm 2020 như sau:

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An và các quy định có liên quan của pháp luật.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Giám đốc đã phản ánh đầy đủ các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT, Ban Giám đốc đều có sự phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên và các cấp điều hành, có tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ thông qua các phiên họp HĐQT được diễn ra trong năm 2020, nhằm duy trì đảm bảo hoạt động ổn định cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành quyết toán Cổ phần hóa và bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần trong tháng 4/2020. Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát công tác lập báo cáo quyết toán cổ phần hóa và lập văn bản tham gia ý kiến của Ban Kiểm soát gửi tới HĐQT, Ban Giám đốc Công ty trong giai đoạn này, bao gồm các đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát để phối hợp thực hiện.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện các cuộc kiểm soát theo kế hoạch tại Công ty thông qua việc kiểm tra sổ kế toán, báo cáo tài chính do đơn vị lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. BKS đã tham gia và giám sát công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán và theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện công việc. Cùng với đó, Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung thực hiện trước khi công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

III. Phối hợp với Ban điều hành trong công việc giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và giám sát tài chính

Trong năm 2020, Ban Giám đốc Công ty tập trung nguồn lực phục vụ công tác quyết toán cổ phần hóa với cơ quan, ban ngành, sắp xếp cơ sở nhà đất, cắm mốc giới và ổn định công tác sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Điều hành đã tuân thủ các nghị quyết của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong công tác giám sát tài chính, Ban Kiểm soát đã phối hợp và giám sát Ban Giám đốc, đặc biệt đối với Phòng Tài chính kế toán thực hiện các nội dung quan trọng bao gồm:

✓ Định kỳ thực hiện công tác kiểm soát về mặt hồ sơ, chứng từ và ghi chép trên sổ kế toán.

✓ Lựa chọn đơn vị kiểm toán đáp ứng đủ năng lực và giá thành để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

✓ Soát xét các nội dung liên quan đến biên bản bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

✓ Thẩm định báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với phần ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần, trình trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty xem xét phê duyệt.

IV. Thẩm định báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

1. Các căn cứ

❖ Báo cáo tài chính do Ban Giám đốc Công ty lập theo các biểu mẫu do Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 53/2017/TT-BTC ngày 21/03/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC;

❖ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung thực hiện, hoàn thành và phát hành;

❖ Sổ kế toán, chứng từ gốc lưu tại Công ty.

2. Xác nhận báo cáo tài chính

2.1. Ban kiểm soát xác nhận

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2020 (RÚT GỌN)

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019	Tăng/(giảm)	%
I	**Tổng cộng tài sản**	**18.121.438.566**	**18.119.496.813**	**1.941.753**	**0,01%**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	215.576.254	99.936.256	115.639.998	115,71%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.945.973.846	1.933.967.746	12.006.100	0,62%
4	Hàng tồn kho	5.585.975.232	4.343.706.326	1.242.268.906	28,60%
5	Tài sản ngắn hạn khác	-	8.317.817	(8.317.817)	100,00%
6	Tài sản cố định	10.191.320.994	11.628.822.308	(1.437.501.314)	-12,36%
7	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	69.788.527	69.788.527	-	0,00%
8	Tài sản dài hạn khác	112.803.713	34.957.833	77.845.880	222,69%
II	**Tổng cộng nguồn vốn**	**18.121.438.566**	**18.119.496.813**	**1.941.753**	**0,01%**
1	Nợ ngắn hạn	1.919.888.331	1.963.751.766	(43.863.435)	-2,23%
2	Nợ dài hạn	-	-	-	0%
3	Vốn chủ sở hữu	16.201.550.235	16.155.745.047	45.805.188	0,28%
	Trong đó:				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.136.900.000	16.136.900.000	-	0%
	Các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	63.751.435	18.845.047	44.906.388	238,29%

	Nguồn kinh phí	898.800	-	898.800	100,00%

Thuyết minh một số chỉ tiêu chính:

2.2.1. Chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền"

Số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2020 tăng 115,6 triệu đồng, tương đương tăng 115,71% so với tại ngày 31/12/2019 chủ yếu do tại thời điểm cuối năm, Công ty thực hiện thu tiền hợp đồng liên kết đất sản xuất cây ngắn ngày theo các hợp đồng đã ký kết (chanh dây, khoai tây ...).

2.2.2. Chỉ tiêu "Hàng tồn kho"

Số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2020 tăng 1,2 tỷ đồng, tương ứng tăng 28,6% so với tại ngày 31/12/2019 chủ yếu là việc Công ty ghi nhận chi phí lương nhân công trực tiếp, chi phí quản lý, chi phí vật tư … liên quan đến vườn cà phê trồng trong năm của Công ty. Sản lượng cà phê tồn kho này đã được Công ty bàn giao cho người mua trong quý I và quý II/2021.

2.2.3. Chỉ tiêu "Tài sản cố định"

Số dư tài sản cố định tại ngày 31/12/2020 phản ánh giá trị còn lại (sau khi lấy nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế) của nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị, dụng cụ quản lý và vườn cây cà phê của Công ty.

Trong năm 2020, công ty tiến hành thanh lý một phần vườn cây cà phê và cây lấy gỗ đã hết khấu hao để chuẩn bị trồng mới cây công nghiệp với tổng nguyên giá 3,2 tỷ đồng. Và tại ngày 31/12/2020, giá trị nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng là 6,96 tỷ đồng.

2.2.4. Chỉ tiêu "Nợ ngắn hạn"

Số dư nợ phải trả tại ngày 31/12/2020 giảm nhẹ 43 triệu, tương ứng giảm 2,23% so với ngày 31/12/2019, chủ yếu do:

Các khoản mục làm tăng khoản nợ ngắn hạn của Công ty, gồm:

- Khoản mục "Phải trả người bán" tăng 240 triệu đồng là chi phí phân bón, giống cây (chanh dây, khoai tây...) phải trả nhà cung cấp.
- Khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" tăng ~945 triệu đồng: Ghi nhận khoản nhận ký quỹ, ký cược (1,32 tỷ đồng) từ các hộ giao khoán cà phê.

Các khoản mục làm giảm khoản nợ ngắn hạn của Công ty, gồm:

- Khoản mục "Người mua trả tiền trước" giảm 489 triệu đồng: tại ngày 31/12/2020, Công ty không có khoản tiền do khách hàng trả trước tiền thu mua cà phê xô của Công ty trong niên vụ thu hoạch 2019 – 2020.
- Khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" giảm 300 triệu đồng: Công ty tại ngày 31/12/2020 đã tất toán khoản vay ngắn hạn Bà Lê Thị Định với số tiền gốc vay 300 triệu đồng nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Khoản mục "Phải trả người lao động" giảm 250 triệu do Công ty đã thanh toán các khoản nợ lương cán bộ nhân viên. Số dư tại 31/12/2020 thể hiện số lương phải trả tháng 12/2020 và trích trước lương tháng 13 của cán bộ nhân viên.
- Khoản mục "Dự phòng phải trả ngắn hạn" giảm 140 triệu đồng: thể hiện khoản dự phòng tiền lương 17% mà Công ty đã tạm trích nhằm ổn định quỹ tiền lương trong năm 2020 trước các biến động về mặt giá cả và rủi ro kinh doanh có thể ảnh hưởng đến người lao động của Công ty. Tại ngày 31/12/2020 thì số dư khoản Dự phòng phải trả ngắn hạn bằng 0.

2.2.5. Chỉ tiêu "Vốn chủ sở hữu"

Số dư vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 tăng 44,9 triệu đồng so với ngày 31/12/2019 là khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh trong năm tài chính 2020.

2.3. Kết quả kinh doanh (dạng rút gọn) năm 2020

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Từ ngày 25/7/2019 đến ngày 31/12/2019	Tăng (giảm)	%
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.540.942.406	1.079.982.000	298.460.960.406	27635,73%
2	Giá vốn hàng bán	296.807.433.256	56.238.115	296.751.195.141	527669,17%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.733.509.150	1.023.743.885	1.709.765.265	167,01%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.069.082.797	1.636.046	2.067.446.751	126368,50%
5	Chi phí tài chính	3.445.828.450	9.108.000	3.436.720.450	37732,99%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*3.445.828.450*	*9.108.000*	3.436.720.450	37732,99%
6	Chi phí bán hàng	-	-	-	0,00%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.822.264.108	1.671.867.574	1.150.396.534	68,81%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(1.465.500.611)	(655.595.643)	(809.904.968)	123,54%
9	Thu nhập khác	1.844.426.597	786.843.000	1.057.583.597	134,41%
10	Chi phí khác	334.019.600	72.819.439	261.200.161	358,70%
11	Lợi nhuận khác	1.510.406.997	714.023.561	796.383.436	111,53%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.906.386	58.427.918	(13.521.532)	-23,14%
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	39.582.871	(39.582.871)	-100,00%
14	Lợi nhuận sau thuế	44.906.386	18.845.047	26.061.339	138,29%

<u>Thuyết minh một số chỉ tiêu chính:</u>

2.3.1. Chỉ tiêu "Doanh thu":

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh năm 2020 tăng mạnh hơn 298,4 tỷ đồng so với giai đoạn từ ngày 25/7/2019 đến ngày 31/12/2019 chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh thương mại sản phẩm gạo (với tổng doanh thu 292,8 tỷ đồng). Doanh thu cà phê thu khoán bằng tiền đạt 6,6 tỷ đồng, tăng hơn 5,6 tỷ đồng so với giai đoạn từ ngày 25/7/2019 đến ngày 31/12/2019 của Công ty.
- Hoạt động kinh doanh thương mại sản phẩm gạo mang lợi nhuận gộp 1,4 tỷ đồng trong năm 2020 cho Công ty.
- Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ thể hiện số tiền lãi phát sinh từ tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty và tiền lãi do khách hàng chậm thanh toán (~2 tỷ đồng)

- Thu nhập khác phát sinh trong kỳ chủ yếu gồm tiền thu từ thanh lý vườn cây cà phê với số tiền 601,8 triệu đồng và tiền thu đền bù giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất là 1,24 tỷ đồng.

2.3.2. Chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán"

- Giá vốn hàng bán năm 2020 tăng mạnh tương ứng với tỷ lệ tăng của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 của Công ty. Trong đó, giá vốn hàng bán của hoạt động kinh doanh thương mại sản phẩm gạo là 291 tỷ đồng và các hoạt động khác trong năm là ~5,4 tỷ đồng.

2.3.3. Chỉ tiêu "Chi phí tài chính"

- Chi phí tài chính phát sinh năm 2020 của Công ty là chi phí lãi vay phát sinh do hoạt động kinh doanh thương mại sản phẩm gạo, Công ty ký hợp đồng vay vốn ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để thanh toán cho nhà cung cấp. Toàn bộ khoản vay vốn ngắn hạn này đã được Công ty hoàn trả toàn bộ trong năm 2020.

2.3.4. Chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2020 bao gồm chi phí chi phí tiền lương nhân viên khối văn phòng, chi phí bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) với số tiền 1,591 tỷ đồng, chi phí công cụ dụng cụ phân bổ và khấu hao tài sản cố định của khối văn phòng với số tiền ~568 triệu đồng, tiền thuê đất, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác (~490 triệu đồng).

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An, Ban kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Điều lệ Công ty trên các công việc:

- Quản trị, điều hành Công ty thực hiện theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông.
- Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, kịp thời hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy mô phát triển và đặc thù của Công ty.
- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong từng dự án, hoạt động cụ thể thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

2. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm theo quy định.

3. Lập báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát hàng quý, kết quả thẩm định báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

4. Kịp thời thông báo cho HĐQT về những vi phạm của người quản lý, điều hành, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Điều lệ Công ty.

5. Họp BKS định kỳ (trực tiếp hoặc theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản) và tổng kết công tác thực hiện hàng quý và đề ra kế hoạch hành động cho quý tiếp theo.

6. Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ của Công ty, của Pháp luật và theo yêu cầu của HĐQT.

Trên đây là Báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát trong năm 2020, kết quả thẩm định báo cáo tài chính và phương hướng nhiệm vụ của BKS trong năm 2021, Ban kiểm soát xin kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An xem xét./

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu Ban kiểm soát.*

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Ngô Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÀ PHÊ THUẬN AN** Số: /2021/BB-ĐHĐCĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Mil, ngày tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

I. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000173846 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Đắk Nông cấp 15/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/7/2019, đăng ký thay đổi lần thứ hai (02) ngày 08/7/2020.

II. Thời gian bắt đầu phiên họp: ……giờ ……. phút, ngày 28/4/2021

III. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An, Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An , Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông.

IV. Thành phần tham dự: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, các Cổ đông và Người đại diện ủy quyền của Cổ đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

V. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết là 100% Cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Nguyễn Ngọc nghị	Chủ tịch HĐQT	Chủ tọa ĐH
- Ông Lê Văn Một	Thành viên HĐQT	Thành viên
- ……	Thành viên HĐQT	Thành viên

2. Ban Thư ký:

- Lê Thị Định	Kế toán trưởng	Trưởng Ban
- Phạm Thị Phượng	Kế toán viên	Thành viên

3. *Ban bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu*:

- Nguyễn Văn Quang	TP. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Trưởng Ban
- Nguyễn Sỹ Anh	PP. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Thành viên

- Trần Anh Sơn	CV. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Thành viên

4. ***Ban Kiểm tra tư cách cổ đông***

- Nguyễn Văn Quang	TP. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Trưởng Ban
- Nguyễn Sỹ Anh	PP. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Thành viên
- Trần Anh Sơn	CV. Kỹ thuật – Nghiệp vụ	Thành viên

VI. Điều kiện tiến hành Đại hội

Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông – Ông Nguyễn Văn Quang báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại thời điểm khai mạc (….. giờ……..phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty với cơ cấu cổ đông như sau: Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là ……. Cổ đông, đại diện cho …… cổ phần, chiếm ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, trong đó:

- Số Cổ đông tham dự trực tiếp là…… Cổ đông, đại diện cho ……cổ phần, chiếm ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số Cổ đông uỷ quyền là …… Cổ đông, đại diện cho ……..…cổ phần, chiếm ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

VII. Nội dung phiên họp

1. Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ ……% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ ……% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

3. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ ……% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

4. Các báo cáo trình bày tại Đại hội bao gồm:

4.1 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch HĐQT – Ông Nguyễn Ngọc Nghị đọc.

4.2 Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021 do Giám đốc – Ông Lê Văn Một đọc.

4.3 Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020 do kế toán trưởng – Bà Lê Thị Định đọc.

4.4 Báo cáo BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 do Trưởng BKS – Ông Ngô Hồng Minh đọc.

5. Các Tờ trình, nội dung do Hội đồng quản trị trình bày tại Đại hội:

5.1. Tờ trình số ……../2021/TTr-HĐQT về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021;

5.2. Tờ trình số ……../2021/TTr-HĐQT về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020;

5.3. Tờ trình số ……../2021/TTr-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021;

5.4. Tờ trình số ……../2021/TTr-HĐQT về việc chỉnh sửa, bổ sung điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;

5.5. Tờ trình số ……../2021/TTr-HĐQT về việc ban hành một số Quy chế nội bộ: Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế hoạt động BKS Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;

5.6. Tờ trình số ……../2021/TTr-HĐQT về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên BKS;

6. Công tác bầu cử tại Đại hội:

6.1. Thông qua "Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát";

6.2. Thông qua danh sách ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát;

6.3. Tổ chức bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

7. Thảo luận tại Đại hội:

Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội. Các Cổ đông đã nhiệt tình tham gia đóng góp ý kiến. Các ý kiến đã được Đoàn Chủ tịch tiếp thu và trả lời cụ thể tại Đại hội.

7.1. Ý kiến của cổ đông tại Đại hội:

a.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

b.

.....
.....
.....
.....

.....
.....

7.2. Trả lời ý kiến cổ đông của Ban chủ tọa:

a.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

b.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đến ..... giờ ..... phút (thời điểm biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội), Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là …….. Cổ đông, đại diện cho ……. cổ phần, chiếm …….% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

VIII. Kết quả kiểm phiếu thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Sau khi xem xét các Tờ trình, Báo cáo, công tác bầu cử và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 với ……..... cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(……. cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(……. cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

4. Thông qua Báo cáo của BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

5. Thông qua Tờ trình V/v chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021 theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

6. Thông qua Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

7. Thông qua Tờ trình V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

8. Thông qua Tờ trình V/v chỉnh sửa, bổ sung điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

9. Thông qua Tờ trình ban hành một số Quy chế nội bộ: Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế hoạt động BKS Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

10. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên BKS theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

11. Thông qua "Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS" theo nội dung Tờ trình số ...../...../TTr-HĐQT với ……. cổ phần tán thành, tương đương …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội *(…… cổ phần không tán thành, bằng ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không có ý kiến, bằng …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; ……. cổ phần không hợp lệ, bằng.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội).*

12. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên BKS

Các cổ đông thực hiện đề cử, ứng cử thành viên BKS theo Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS.

Ông..... - Thay mặt Đoàn Chủ tịch tổng hợp và đọc Danh sách ứng cử viên Ban Kiểm soát do các cổ đông đề cử; Công bố trích ngang lý lịch các ứng viên vào Ban Kiểm soát.

Đại hội thông qua Danh sách ứng cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát:

1. Ông .....

2. Ông .....

3. Ông .....

**** Kết quả biểu quyết thông qua:***

- Tán thành: ……. cổ phần, chiếm …….% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết;

- Không tán thành: …..…….. cổ phần, chiếm …….% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết;

- Không có ý kiến: …..…….. cổ phần, chiếm …….% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Đại hội tiến hành Bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

Ông: Nguyễn Văn Quang - Trưởng Ban Bầu cử lên hướng dẫn cách thức bầu cử. Cổ đông tiến hành bỏ phiếu và các thành viên Ban Bầu cử thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế bầu cử đã được Đại hội thông qua.

Ban Bầu cử thu phiếu và kiểm phiếu

13. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên BKS

Đại hội đã nghe Ông: Nguyễn Văn Quang - Trưởng Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử bổ sung thanh viên Ban Kiểm soát.

Kết quả bầu cử Ban Kiểm soát:

- Số phiếu phát ra: ……..…….... phiếu;

- Số phiếu thu về: ……..... phiếu;

- Số phiếu hợp lệ: ……..….. phiếu;

- Số phiếu không hợp lệ: ..... phiếu;

Kết quả kiểm phiếu:

TT	Danh sách ứng viên	Số lượng phiếu bầu (từ cao xuống thấp)
1		
2		
3		
	Tổng cộng	

Căn cứ quy định Pháp luật hiện hành, Quy chế bầu cử đã thông qua tại Đại hội và kết quả kiểm phiếu, những đồng chí có tên sau trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp như sau:

Danh sách trúng cử Ban Kiểm soát

1).....

2).....

3)….....

14. Các nội dung tại kỳ Đại hội đồng cổ đông lần đầu đã thông qua nhưng chưa thực hiện xong thì tiếp tục thực hiện trong năm 2020 và báo cáo kết quả trước Đại hội cổ đông tại phiên họp gần nhất.

15. Thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội

Đồng chí: Lê Thị Định - Thay mặt Ban Thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

Kết quả biểu quyết thông:

- Tán thành: …….. cổ phần, chiếm …….% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết;
- Không tán thành: ……. cổ phần, chiếm …….% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết;
- Không có ý kiến: ……. cổ phần, chiếm …….% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

IX. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết thúc vào hồi.....giờ …… phút cùng ngày.

Biên bản được lập vào hồi ……. ngày …/4/2021, ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này gồm 09 trang đã được đọc lại trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông và đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

Biên bản có giá trị thi hành ngay sau khi kết thúc cuộc họp.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sẽ được lập thành văn bản, công bố toàn văn trên website của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An (caphethuanan.com.vn) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng qui định của Pháp luật./.

TM. BAN THƯ KÝ	**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH**
TRƯỞNG BAN	**CHỦ TỌA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=====*o0o*=====

…....., ngày .... tháng 4 năm 2021

PHIẾU ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CP CÀ PHÊ THUẬN
Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CP CÀ PHÊ THUẬN

Tên cổ đông:……Mã cổ đông:……..

Tổng số cổ phần sở hữu (được ủy quyền):……

Đăng ký đóng góp ý kiến về các Nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An như sau:

……

……

……

…….

…….

…….

…….

…….

…….....

……

…….....

……

…….....

……

CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

……..

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP CÀ PHÊ THUẬN AN
BAN BẦU CỬ ĐẠI HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

BAN BẦU CỬ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*

- *Căn cứ Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 "Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An"*

- *Căn cứ các Phiếu bầu cử thành viên Ban kiểm soát*,

Hôm nay, vào hồi: ….h…., ngày 28/4/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Ban Bầu cử đã tiến hành kiểm phiếu bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An nhiệm kỳ 2019 - 2024 với các nội dung như sau:

1. Số cổ phần và số phiếu biểu quyết

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: …….. cổ phần;

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội: …….. cổ phần;

- Tổng số phiếu bầu thành viên BKS: …….. phiếu bầu;

2. Danh sách các ứng viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua (Xếp theo thứ tự bảng chữ cái Alphabet)

TT	Danh sách ứng viên Ban kiểm soát
1	
2	
3	

3. Kết quả bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024

- Số phiếu phát ra: …… phiếu;

- Số phiếu thu về: ……... phiếu;

- Số phiếu hợp lệ: ……... phiếu;

- Số phiếu không hợp lệ: ……. phiếu;

**** Kết quả bầu cử***

TT	Danh sách ứng viên	Số lượng phiếu bầu (từ cao xuống thấp)
1		
2		
3		
	Tổng cộng	

4. Công bố kết quả

Căn cứ quy định của Điều lệ Công ty; Quy chế bầu cử đã thông qua tại Đại hội và kết quả kiểm phiếu, Ban Bầu cử công bố danh sách thành viên BKS trúng cử BKS Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An nhiệm kỳ **2019-2024**, với kết quả phiếu bầu như sau:

- **Thành viên Ban kiểm soát mới**

1. Ông: …….

2. Ông: …….

3. Ông: …….

Biên bản kiểm phiếu hoàn thành vào hồi … giờ … ngày 28/4/2021, để công bố và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

CHỮ KÝ THÀNH VIÊN BAN BẦU CỬ

Trưởng ban: ……..……..……..

Thànhviên:……

Thànhviên:……

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÀ PHÊ THUẬN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày ..... tháng 4 năm 2021

DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2019-2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Hồ sơ đề cử bổ sung nhân sự tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An của các cổ đông, nhóm cổ đông,

Tính đến : 8h00 giờ ngày ...../4/2021 Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An đã nhận được các hồ sơ đề cử hợp lệ, sau khi đối chiếu theo các điều kiện đề cử được pháp luật quy định, danh sách các ứng cử viên đủ điều kiện tham gia bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024, gồm các cá nhân sau đây:

I . ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

1. Ông (bà):..... - được cổ đông ..... sở hữu .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;

2. Ông (bà):..... - được cổ đông ..... sở hữu .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Căn cứ vào Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Thông Tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/ 12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán (có hiệu lực từ ngày 15/02/2021)

Điều lệ này được soạn thảo và thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Công ty số …. ngày …/04/2021

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An đã nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

CHƯƠNG I.
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Giải tích từ ngữ

Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Công ty*: là Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

2. *Vốn điều lệ*: là vốn góp của các cổ đông đóng góp và được quy định tại 0Điều lệ này.

3. *Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*: là Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

4. *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

5. *Pháp luật*: là tất cả các văn bản Pháp luật của nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản Pháp luật *(bao gồm cả văn bản Pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế)*.

6. *Cổ đông*: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.

7. *Người quản lý của Công ty*: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

8. *Các đơn vị trực thuộc Công ty*: là các Chi nhánh, Ban điều hành sản xuất trực thuộc Công ty hạch toán phụ thuộc, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

9. Những người có liên quan là bất kỳ các cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

10. Đại hội đồng cổ đông là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty (viết tắt là "ĐHĐCĐ").

11. Hội đồng quản trị là Hội đồng quản trị của Công ty (viết tắt là "HĐQT").

12. Ban kiểm soát là Ban kiểm soát của Công ty (viết tắt là "BKS").

13. Cổ phần phổ thông là cổ phần thông thường do Công ty phát hành.

Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ và

thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi:

- ✓ Tên đầy đủ của Công ty: Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An
- ✓ Tên Tiếng Anh: Thuan An Coffee Joint Stock Company
- ✓ Tên viết tắt: Thuan An Coffee Co.JSC
- ✓ Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông
- ✓ Điện thoại: (0261) 3747053

2. Công ty có 01 người là đại diện theo pháp luật. Giám đốc của Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cà phê Thuận An là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

4. Các cổ đông của công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh

TT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng Ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
2	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
4	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118

TT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
5	Trồng cây ăn quả	0121
6	Trồng cà phê	0126
7	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
8	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Gồm các Cây lâu năm như: cây dâu tằm, cây cau, cây trầu không.	0129
9	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
10	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	
11	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
13	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
14	Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, chế biến rau quả	1030
15	Sản xuất cà phê	1077
16	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
18	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngủ cốc khác, bột mỳ	4631
19	Buôn bán thực phẩm	4632
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa biết phân vào đâu. Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.	4669

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc chuyển hay

mở rộng các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

a) Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty;

b) Công ty được tự do kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tổ chức cơ sở đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức quần chúng hoạt động theo Điều lệ hoạt động của các tổ chức quần chúng.

2. Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Điều 7. Thời hạn hoạt động

1. Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An chính thức hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành.

3. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 60 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 8. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

3. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

4. Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG II.
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam Đồng (VNĐ).

Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An là: **16.136.900.000 đồng (*Mười sáu tỷ một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng*)**, trong đó:

Tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được chia thành **1.613.690** cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông.

3. Điều chỉnh vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh *(tăng)* theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng thời kỳ. Việc tăng giảm và thay đổi cơ cấu vốn Điều lệ phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 10. Các loại cổ phần

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

3. Công ty không có cổ đông sáng lập.

Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và

cho người không phải là cổ đông;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;

h) Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

i) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% *(Năm phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 *(sáu)* tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều

này phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc.

c) Các yêu cầu khác quy định tại điều lệ công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% *(Mười phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử đủ 5 ứng cử viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử Công ty.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần đã cam kết mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo vệ tài sản, lợi ích và bí mật về hoạt động của công ty. Bảo mật thông tin được công ty cung cấp theo Điều lệ Công ty và pháp luật, chỉ được sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho các tổ chức, cá nhân khác.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An phát hành có dấu của Công ty và chữ ký đại diện theo pháp luật của Công ty. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;

f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty;

h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

2. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó. Cổ đông phải nộp lệ phí cấp lại cổ phiếu theo quy định của Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ nộp Công ty để tiêu hủy theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ "Đăng ký cổ đông" được lập ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ "Đăng ký cổ đông" được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.

3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Điều 15. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh, trong trường hợp này số tiền chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội;

d) Các trường hợp khác mức chiết khấu trong trường hợp đó do điều lệ Công ty quy định.

2. Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ thông tin về tên cổ đông, địa chỉ và số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng khi phát hành hoặc trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật

về chứng khoán.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

4. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 17. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.

3. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản kế thừa là cổ phần, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc kế thừa hợp pháp cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 18. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái

phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

3. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của Pháp luật.

Điều 19. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới *(tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo)*, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ từng thời kỳ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III.
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông,

- Hội đồng quản trị (HĐQT): Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT,
- Giám đốc và các Phó Giám đốc,
- Kế toán trưởng,
- Ban Kiểm soát,
- Các phòng chức năng và đơn vị trực thuộc.

MỤC I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty;

c) Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình kinh doanh của công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Thông qua báo cáo của ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Giám đốc Công ty;

e) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (*ba mươi lăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ công ty;

h) Quyết định mua lại trên 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban kiểm soát;

j) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty (*nếu có*);

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp,

Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo ngay bằng văn bản đến Công ty. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;

c) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

f) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Điều 22. Thẩm quyền triệu tập họp đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại phải hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam và do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông xác định. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 *(bốn)* tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết

quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 của Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Đại hội đồng cổ đông gây ra.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Ban kiểm soát gây ra.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 của Điều lệ này đã có yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành đại hội.

6. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 23. Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và theo quy định của Điểm a Khoản 1 Điều lệ này. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất **03** *(ba)* ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây :

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Mời họp đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 *(hai mươi mốt)* ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thời điểm gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp được tính từ ngày bưu điện nhận chuyển giấy mời và xác nhận trong sổ công văn của người gửi *(nếu gửi theo bưu điện)*, hoặc ngày cổ đông ký xác nhận đã nhận được giấy mời do người triệu tập họp gửi giấy mời trực tiếp cho cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Công ty sẽ có thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 26. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân có đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của pháp luật dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, được thực hiện các quyền của cổ đông. Trường hợp người được ủy quyền ứng cử với tư cách là cá nhân thì quyền ứng cử phải được ghi rõ trong nội dung giấy ủy quyền và phải phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4. Quy định tại Khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này chậm nhất 24 *(hai mươi tư)* giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, bản fax, thư điện tử.

Điều 27. Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% *(Năm mươi phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 *(ba mươi ngày)*, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% *(ba mươi ba phần trăm)* tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 *(hai mươi)* ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 28.Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một số người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp;

trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội cổ đông bầu ban kiểm phiếu, số người trong ban kiểm phiếu tối thiểu 03 người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

Việc bầu thư ký và Ban kiểm phiếu được biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết theo nguyên tắc nhất trí quá bán của tất cả các cổ đông dự họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết. tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Diễn biến Đại hội phải được ghi chép vào sổ biên bản có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và Trưởng Ban kiểm phiếu (nếu có). Các trích lục biên bản Đại hội phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai ủy viên HĐQT.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 *(ba)* ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.

Điều 29. Thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán,
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh,
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty,
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,
- Tổ chức lại giải thể Công ty.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham gia đại diện 100% (*một trăm phần trăm*) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% *(năm mươi)* tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng

phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty.

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với

từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác của Công ty. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài *(nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài)* và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ toạ và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó ghi

rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty *(nếu có)*.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 *(chín mươi)* ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

MỤC II.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty

không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không được áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 138; khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;

i) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban nghiệp vụ và các xưởng sản xuất;

k) Quyết định quy chế quản lý nội bộ Công ty;

l) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động; khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, các lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

n) Quyết định mức thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở tổng mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn *(cổ phần)* của Công ty tại Công ty khác và quyết định mức thù lao, các lợi ích khác của người đó;

o) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

q) Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Tổ chức việc chi trả cổ tức;

r) Thực hiện việc trích lập các quỹ theo thẩm quyền và cách thức xử lý quỹ theo quy định;

s) Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

t) Được sử dụng tài sản, con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật;

u) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 34. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm tối đa 05 thành viên: Trong đó có 01 *(một)* Chủ tịch và các Thành viên.

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là 5 *(năm)* năm;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ được bầu lại không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến

khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị ;

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Kkhông thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 điều 17 Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;

d) Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại Điều 35. Điều lệ này có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn khả năng làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 37. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 *(bảy)* ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Các bước tiến hành họp được thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì tiến hành bầu lại trong số họ và chọn người có số phiếu cao nhất để triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản

trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Theo đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 5 *(năm)* người quản lý của Công ty;

c) Theo đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 *(năm)* ngày làm việc trước ngày họp.

7. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ đã đăng ký với Công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 *(ba phần tư)* tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập

lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 38. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài *(nếu cần thiết),* có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 *(sáu)* tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam;

e) Công ty bị giải thể, phá sản;

f) Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 *(một phần ba)* so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 *(sáu mươi)* ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 *(một phần ba)* để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 41. Giám đốc công ty

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, khen thưởng, kỷ luật theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Giám đốc phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 *(ba mươi)* ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giám đốc có thể là thành viên HĐQT. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 *(năm)* năm; Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện Giám đốc:

- Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty. Cụ thể: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty,
- Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật,
- Các quy định khác theo qui định tại Điều 65 Luật doanh nghiệp 2014.

5. Giám đốc có các quyền sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT phù hợp với Điều lệ và tuân thủ Pháp luật;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Nhân danh Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, liên danh, liên kết theo Điều lệ công ty và các hợp đồng khác được Chủ sở hữu ủy quyền, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;

e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;

f) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch HĐQT;

g) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ và quyết định bổ nhiệm.

6. Giám đốc có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quyết định của Chủ tịch công ty, Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty nếu có và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 42. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo nhiệm vụ đảm nhận, số ngày công làm việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật;

c) Giám đốc được trả lương, tiền thưởng và các chi phí khác phục vụ cho công tác quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương và các chi phí khác của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp 2020 và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% *(mười phần trăm)* vốn điều lệ.

3. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 *(bảy)* ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội Đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được

đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 44. Nghĩa vụ của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 45. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch và có giá trị

nhỏ hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 46. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối đa 05 *(năm)* thành viên.

Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm.

Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội Đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín. Người trúng cử vào Ban Kiểm soát là người có số phiếu bầu lấy từ cao xuống thấp, trường hợp những người cuối cùng có số phiếu ngang nhau, thì tổ chức bầu lại đối với những người có số phiếu ngang nhau đó để chọn người

có số phiếu cao hơn.

Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 0 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 0 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 49. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và

các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 50. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá chi phí hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 51. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông

của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 52. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát thay thế.

CHƯƠNG IV.
LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 53. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc *(hoặc người được Giám đốc ủy quyền)* với người lao động.

Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động, theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty.

Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cần theo Quy chế tuyển dụng và Thỏa ước lao động tập thể.

Điều 54. Tiền lương

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định hiện hành của Luật lao động và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 55. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi*:* Người lao động trong Công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật.

Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ*:* Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động, và các quy chế của Công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 57. Quyết toán và kế hoạch tài chính

Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 tháng *(bốn tháng).* Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính *(theo Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp),* Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 59. Phân phối lợi nhuận

1. Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế, bù lỗ *(nếu có)* và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty.

2. Việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

4. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

6. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

7. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở

các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI.
GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 60. Giải thể

Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An giải thể trong các trường hợp sau:

1. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty không đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục.

3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo Điều 207 và Điều 208 Luật doanh nghiệp.

Điều 61. Thanh lý tài sản khi Công ty giải thể

1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể:

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên sau:

- Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội mà Công ty còn nợ người lao động;
- Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành;
- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thế chấp;

- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không thế chấp;
- Phần còn lại chia các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông.

Điều 62. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VII.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 63. Thời điểm hoạt động của Công ty Cổ phần

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

1. Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.

2. Đại hội đồng cổ đông thành lập đã phê chuẩn bản Điều lệ này.

3. Đã bầu được Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc một cách hợp pháp, hợp lệ.

4. Việc quản lý Công ty đã được giao cho Hội đồng quản trị.

5. Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập Công ty và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông.

Điều 64. Con dấu

1. Công ty có chính thức 01 con dấu. Nội dung con dấu thể hiện: Tên Công ty; Mã số Công ty.

2. Trước khi sử dụng con dấu, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan có thẩm quyền và công khai mẫu dấu theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 65. Báo cáo hàng năm

1. Khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo về tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
b) Báo cáo tài chính;
c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty;
d) Các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và chi nhánh chậm nhất 07 *(bảy)* ngày làm việc trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 66. Công khai thông tin về Công ty Cổ phần

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình hoặc Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia các thông tin sau đây:

a) Điều lệ công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba ngày sau khi có hoặc có thay đổi các thông tin về họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

Điều 67. Giải quyết tranh chấp

1. Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

2. Các thành viên trong Công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến tòa án các cấp xét xử theo luật định.

3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn

khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 69. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này gồm 7 *(bảy)* Chương, 69 *(sáu mươi chín)* Điều và được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An thông qua ngày …. tháng 04 năm 2021 tại Đắk Nông và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Các nội dung không được quy định trong Điều lệ này hoặc khi Pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các quy định của Pháp luật và Điều lệ này mâu thuẫn nhau, sẽ thực hiện việc áp dụng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết được thông qua ngày … tháng 04 năm 2021./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

LÊ VĂN MỘT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông
Tel: ……. * Fax: ……..

Số: ...../2021/NQ-ĐHĐCĐ *Đắk Mil, ngày .... tháng 4 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
"CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN"

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của "Công ty CP Cà phê Thuận An";

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thương niên năm 2021 số ...../2021/BB-ĐHĐCĐ ngày ……/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán với ……..cổ phần tán thành, bằng .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng ….....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Báo cáo BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5. Thông qua Tờ trình V/v chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021 theo Tờ trình số …..... ngày ……/4/2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Thông qua Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình số …..... ngày ……/4/2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

Điều 7. Thông qua Tờ trình V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 theo Tờ trình số .....….. ngày ……/4/2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8. Thông qua Tờ trình V/v chỉnh sửa, bổ sung điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tại Tờ trình số …..... ngày ……/4/2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9. Thông qua Tờ trình ban hành một số Quy chế nội bộ: Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế hoạt động BKS Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An tại Tờ trình số …..... ngày ……/4/2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên BKS theo Tờ trình số …..... ngày ……/4/2021 với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua "Quy chế bầu bổ sung thành viên BKS" với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 12. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên BKS với ……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 13. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên BKS với……..cổ phần tán thành, bằng …. ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 14. Các nội dung tại kỳ Đại hội đồng cổ đông lần đầu đã thông qua nhưng chưa thực hiện xong thì tiếp tục thực hiện trong năm 2021 và báo cáo kết quả trước Đại hội cổ đông tại phiên họp gần nhất.

Điều 15. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày …../…./……. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và toàn thể Cổ đông Công ty CP cà phê Thuận An chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 16. Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cà phê Thuận An và đăng tải lên Website của Công ty CP cà phê Thuận An theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 16, 17;*
- *Lưu VPHĐQT, VT.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Ngọc Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
DỰ THẢO	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	..., ngày ... tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .....ngày.... tháng 4 năm 2021;*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tối đa 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập

Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội

đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác;

thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên

của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty

không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cà phê Thuận An bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÀ PHÊ THUẬN AN** **[DỰ THẢO]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Mil, ngày ... tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cà phê Thuận An;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày 28 tháng 4 năm 2021*

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cà phê Thuận An;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cà phê Thuận An bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh

của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của

Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất

của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115

Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngô Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
(DỰ THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận An, ngày…tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An;.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .....ngày .....tháng 4 năm 2021, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cà phê thuận An bao gồm các nội dung sau:

Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thẩm quyền , nghĩa vụ và phương thức hoạt động của nhười quản lý công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người lao động của công ty.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ Công ty

1. Tuân thủ quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.
2. Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội.
3. Đảm bảo các quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Minh bạch trong các hoạt động của công ty.
5. Hội đồng quản trị quản lý và kiểm soát công ty hiệu quả.

Chương II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Quyền được cung cấp thông tin định kỳ và bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông có quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đại hội cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm được tổ chức một lần.

2. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xây dựng chương trình, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để thảo luận từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a. Phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị có thể gia hạn nhưng không quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

b. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

c. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn đỉa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự kiến tài chính cho năm tiếp theo;

d. Trường hợp Báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán dự họp và giải thích các nội dung có liên quan;

4. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vỳ lợi ích Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, 6 (sáu) tháng hoặc báo cáo năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sỡ hữu bị sụt giảm;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị giảm 1/3 so với số thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích triệu tập cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan;

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Thông báo chốt danh sách cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên tranh thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở GDCK.

Điều 6. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2. Công tác chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông:

- Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội;
- Chương trình, nội dung Đại hội;
- Tài liệu phục vụ cho Đại hội;
- Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- Thông báo và gửi thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông (thư mời họp ĐHĐCĐ) cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trong đúng thời gian quy định tại Khoản 3 Điều này;
- Các vấn đề được đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông phải phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;

3. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ (Thư mời họp ĐHĐCĐ)

a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp;

b. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, Sở GDCK chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp, các tào liệu liên

quan đến các vấn đề được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trtên trang thông tin điện tử của Công ty;

c. Các tài liệu bao gồm:

- Thông báo mời họp
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;
- Thẻ (Phiếu) biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông, cổ đông đến tham dự Đai hội phải mang theo giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu.

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết kiểm tra lại Thẻ (phiếu) biểu quyết trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu (phiếu) biểu quyết của cổ đông đó. Trường hợp thất lạc; cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đề nghị Công ty cấp lại Thẻ (phiếu) Biểu Quyết mới.

3. Đại biểu đến tham dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.

2. Cổ đông tham dự họp sẽ sử dụng Thẻ (phiếu) biểu quyết đã được cấp để biểu quyết cho từng vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

3. Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu Thẻ (phiếu) biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu Thẻ (phiếu) biểu quyết không tán thành.

4. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

5. Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS (nếu có) phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT, BKS được phê chuẩn, ứng viên trúng cử sẽ được tính theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT, BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số thẻ (phiếu) biểu quyết thu về so với số thẻ (phiếu) biểu quyết phát ra.

2. Thực hiện kiểm thẻ (phiếu) biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thực hiện kiểm thẻ (phiếu) biểu quyết không tán thành và thẻ (phiếu) biểu quyết không có ý kiến.

Điều 10. Thông qua kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 11. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng Tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ toạ và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự hợp với sổ cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành, và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Chữ ký của chủ toạ và thư ký;

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản hồi về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy trình trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, văn bản uỷ quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Thẩm quyền và trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty

3. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, các bước lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:

a. Chuẩn bị Tài liệu: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên ,địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường chú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ,tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định;

d. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện tương tự họp Đại hội cổ đông.

e. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông:

- Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ đăng ký của tưng cổ đông;

- HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

f. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông:

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền;

- Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

+ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

+ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

g. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu: HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của người phụ trách quản trị Công ty hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

h. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

i. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty;

4. HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau:

- Bầu bổ sung hoặc bầu tạm thời nhân sự vào vị trí thành viên HĐQT, khi số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật;

- Xin ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 13. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ theo trình tự, thủ tục quy đinh tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 điều 17 Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty;

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;

d. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại khoản 2, Điều 155 Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ,

con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều 11, Điều lệ Công ty được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử đủ 5 (năm) ứng cử viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

b. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành

viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử Công ty.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức ĐHCĐ chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo của Công ty.

3. Cổ đông nhận phiếu bầu cử, ghi số phiếu bầu cho ứng viên mình lựa chọn. Phiếu bầu hợp lệ là không bi tẩy xóa, gạch sửa, không viết thêm nội dung vào phiếu bầu hoặc nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.

4. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty. Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên HĐQT độc lập, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại). Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;

b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 *(sáu)* tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức;

d. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam;

e. Công ty bị giải thể, phá sản;

f. Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị ;

2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan chức năng theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử; số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 16 quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử…

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: Là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3 điều này;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp.

2. Thông báo họp HĐQT phải đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết cho thành viên HĐQT không thể dự họp.

3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên HĐQT.

a. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty;

b. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó;

c. Thành viên HĐQT có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập.

5. Các hình thức họp khác:

a. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

b. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện 1 cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 21. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền).

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nữa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

3. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 22. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị Quyết của HĐQT

1. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại khoản 4 điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vị lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điều 167 Luật doanh nghiệp được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một

(01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

6. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

7. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở lấy ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp, họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản Tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản Tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 24. Thông báo Nghị quyết/Quyết định HĐQT

Sau khi ban hành nghị Quyết/ quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin điện tử cuả Công ty cà cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định hiện hành.

Chương IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức

kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 30. Thù lao của Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương V
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Chương VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 34. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 35. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 36. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cơ quản quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Công ty Ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu cà tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ Công ty xem xét, biểu quyết và thông qua.

Điều 38. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 07 chương 38 điều, được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày ..... tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Nghị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: ..... Giới tính: ***Nữ/Nam***
2. Ngày tháng năm sinh: ...../...../..... Nơi sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Giấy CMND số:.....cấp ngày: ...../...../..... tại .....
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
   .....
6. Chỗ ở hiện tại: .....
   .....
7. Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại:.....
   .....
8. Trình độ văn hoá:.....
9. Trình độ chuyên môn: .....
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo

11. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ

12. Khen thưởng kỷ luật:

- Khen thưởng:.....

  .....

- Kỷ luật: .....

  .....

13. Quan hệ gia đình:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Vợ/Chồng					
Con					
Anh/chị/ em ruột					

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng ..... năm 2021

Xác nhận của chính quyền địa phương/
Đơn vị công tác

....., ngày ..... tháng năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

PHIẾU BẦU CỬ

BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

CỔ ĐÔNG: _____

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG: _____

SỐ CP ĐẠI DIỆN/SỞ HỮU: _____

SỐ CP NHẬN ỦY QUYỀN: _____

TỔNG SỐ CỔ PHẦN (*): _____

TỔNG SỐ PHIẾU BẦU (= (*) x "A" = _____

Lưu ý: "A": Số lượng thành viên BKS được bầu.

Kính đề nghị Quý cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách ghi số lượng phiếu bầu với mỗi ứng cử viên tại cột "Số phiếu bầu".

Danh sách ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1		
2		
3		
	Tổng cộng	

**** Lưu ý: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông***

Cổ đông/Người nhận ủy quyền
ký và ghi rõ họ tên

SỐ 01

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông/Đại diện cổ đông: **.....**
Mã số cổ đông: **Tan .....**
Số cổ phần sở hữu: **..... Cổ phần**
Số cổ phần nhận ủy quyền: **..... Cổ phần**
Tổng số cổ phần: **..... Cổ phần**

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

Chọn đồng ý tất cả các nội dung biểu quyết (tích vào đây) ☐

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Kế hoạch năm 2021
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

2. Thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2020
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

3. Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

4. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

5. Thông qua Tờ trình chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

6. Thông qua Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2020
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

7. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

8. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

9. Thông qua Tờ trình ban hành một số Quy chế nội bộ: Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế hoạt động BKS
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

10. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên BKS
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

11. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát
☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐ Không có ý kiến

Phần chữ ký xác nhận của cổ đông
(hoặc người đại diện theo ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Tô Mạnh Hà Giới tính: ***Nam***
2. Ngày tháng năm sinh:10/01/1975. Nơi sinh: Hà Nội
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Giấy CMND số: 011849622 cấp ngày: 10/7/2008 tại Hà Nội
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9 ngõ 78 Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại: . Số 9 ngõ 78 Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội
7. Cơ quan công tác, chức vụ hiện tại: Công ty CP Tập đoàn T&T, TP QTCL
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo
1991-1995	ĐH KTQD	QTKD Công nghiệp & XDCB	Chính quy
2002-2004	Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý	Marketing	Thạc sĩ
2003-2005	Học viện kỹ thuật Châu Á – AIT (Thái Lan)	Kinh doanh quốc tế	Thạc sĩ

11. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1995-2003	Công ty Bách Hóa 1	Chuyên viên XNK
2004-2007	Công ty Chaiyo AA Việt Nam	Giám đốc dự án
2007-2012	Văn phòng Đại diện Tập đoàn Double A Việt Nam	Giám đốc phát triển kinh doanh
2014-2015	Công ty CP Vinfashion	Giám đốc phát triển kinh doanh
2015-2016	Công ty CP Vinpearl	GĐ kinh doanh quốc tế
2017	Công ty CP Tập đoàn T&T	TP Quản trị chiến lược

12. Khen thưởng kỷ luật:
    - Khen thưởng: Không
    - Kỷ luật: Không
13. Quan hệ gia đình:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Tô Xuân Nam	1947	62/22/2 Hoàng Như Tiếp, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội	Hưu trí	
Mẹ	Hoàng Thị Được	1948	62/22/2 Hoàng Như Tiếp, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội	Hưu trí	
Vợ/Chồng	Vũ Thị Thanh Thủy	1979	Số 9 ngõ 78 Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội	Nhân viên VP	Cty GA consultant
Con	Tô Đức Anh	2008	Số 9 ngõ 78 Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội	Học sinh	
	Tô Thanh Uyên	2011	Số 9 ngõ 78 Hoàng Như Tiếp, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP Hà Nội	Học Sinh	
Anh/chị/ em ruột	Tô Thúy Hằng	1979	Số 27 ngõ 266 Nguyễn Văn Cừ, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, HN	Nhân viên VP	Công ty Chứng khoán VPbank
	Tô Hoàng Hải	1980	62/22/2 Hoàng Như Tiếp, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội	Nhân viên VP	Công ty CP Phát triển Thương mại và Công nghệ Sản xuất mới

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng ..... năm 2021

Xác nhận của chính quyền địa phương/
Đơn vị công tác

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tô Mạnh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông

Tel: 02613 747 053 * Fax: ……

Số: ...../2021/TTr-HĐQT *Đắk Mil, ngày ..... tháng 4 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành các Quy chế nội bộ: Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt đồng của BKS của Công ty CP Cà phê Thuận An

***Kính gửi:* ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 18/7/2019, được sửa đổi, bổ sung ngày 27/6/2020.*

Do pháp luật có sự điều chỉnh, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 đã thay thế Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành một số văn bản nội bộ của Công ty như sau:

1. Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS theo nội dung chi tiết tại các Quy chế đính kèm Tờ trình này.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và chấp thuận việc Hội đồng quản trị ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ động quyết định việc ban hành như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÀ PHÊ THUẬN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2021/TTr-BKS	*Đắk Mil, ngày tháng 4 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông;
- Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An.

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua ngày 27/6/2020.*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, thuộc danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố;
- Có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi, chất lượng và tiến độ yêu cầu.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định của Pháp luật và giao Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - HĐQT, BKS; - Lưu: VT.	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **TRƯỞNG BAN** **Ngô Hồng Minh**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../2021/TTr-HĐQT	*Đắk Nông, ngày .... tháng 4 năm 2021*

TỜ TRÌNH

(V/v: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 18/7/2019, được sửa đổi, bổ sung ngày 27/6/2020;

- Căn cứ Báo cáo tài chính và Kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2020	44.906.388
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	0
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN để trích lập các quỹ năm 2020 (3)=(1)-(2)	44.906.388
3.1	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	44.906.388
3.2	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	
4	Trích lập các quỹ năm 2020	0
5	Lợi nhuận còn lại có thể sử dụng	63.751.435
5.1	Lợi nhuận còn lại năm 2020 sau khi trích lập các Quỹ	44.906.388
5.2	Lợi nhuận giữ lại của các năm trước	18.845.047
6	Trả cổ tức năm 2020 bằng ...., tỷ lệ .... (tương đương ...../cp) tính trên vốn điều lệ	0
7	Tổng lợi nhuận giữ lại sau khi trả cổ tức (7)=(5)-(6)	63.751.435

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện theo quy định Pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN NGỌC NGHỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN

Địa chỉ: Thôn Thuận Sơn, Xã Thuận An, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông

Tel: 02613 747 053 * Fax: ……

Số: ...../2021/TTr-HĐQT *Đắk Mil, ngày ..... tháng 4 năm 2021*

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 18/7/2019, được sửa đổi, bổ sung ngày 27/6/2020.*

Do pháp luật có sự điều chỉnh, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 đã thay thế Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều, khoản, điểm của Điều lệ theo nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và chấp thuận việc Hội đồng quản trị ủy quyền lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ động quyết định việc sửa đổi, bổ sung như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Nghị

PHỤ LỤC NỘI DUNG THAY ĐỔI GIỮA ĐIỀU LỆ CŨ VÀ ĐIỀU LỆ MỚI CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Tờ trình số:...../2021/TTr-HĐQT ngày.....tháng 4 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt đông Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An)

Tiêu chí	Nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành	Nội dung Điều lệ đề nghị sửa đổi, bổ sung	Giải thích	Ghi chú
Căn cứ	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Luật Mới ban hành	
	Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần ;	Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.		
Văn bản	- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần. - Thông tu số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần.	Thông Tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/ 12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán (có hiệu lực từ ngày 15/02/2021)	Thông tư mới	
CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG	**Điều 1 : Giải thích từ ngữ** 4. Luật Doanh nghiệp : là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014	**Điều 1 : Giải thích từ ngữ** 4. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh ngiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày		

	7. Người quản lý công ty : Là thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc	17/6/2020. 7. Người quản lý Công ty : Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;		
CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG	**Điều 11. Quyền của cổ đông phổthông** 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% *(mười phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng có ác quyền sau đây: …. 4. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:	**Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông** 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% *(Năm phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây: Bỏ quy định tai điểm a, khoản 2, Điều lệ cũ và điều chỉnh các nội dung sau : a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty; Bổ sung khoản 4: 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% *(Mười phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề		

		cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:		
	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông …. 4. Bảo vệ tài sản, lợi ích và bí mật của công ty. …..	**Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông** Bổ sung khoản 4. 4. Bảo vệ tài sản, lợi ích và bí mật về hoạt động của công ty. Bảo mật thông tin được công ty cung cấp theo Điều lệ Công ty và pháp luật, chỉ được sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho các tổ chức, cá nhân khác. …..		
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	**Điều 22 : Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông** 2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 *(bốn)* tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 *(sáu)* tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	**Điều 22 : Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông** 2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 *(bốn)* tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.		
	Điều 25 : Mời họp đại hội cổ đông 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông	**Điều 25. Mời họp đại hội cổ đông** 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông		

	có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.	có quyền dự họp chậm nhất 21 *(hai mươi mốt)* ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.		
	Điều 26. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:	**Điều 26. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông** Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của pháp luật dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:		
	Điều 27: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mốt phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết.	**Điều 27 : Điều kiện tến hành họp Đại hội đồng cổ đông** 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% *(Năm mươi phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết.		
	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều		

	139 của Luật Doanh nghiệp hiện hành	142 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.		
	Điều 29 : Thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông 6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% *(năm mươi mốt)* tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	**Điều 29 : Thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông** 6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% *(năm mươi)* tổng số phiếu biểu quyết tán thành.		
	Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 *(chín mươi)* ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;	**Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của đại hội đồng cổ đông** Trong thời hạn 90 *(chín mươi)* ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;		

	Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hộ đồng quản trị Điểm e khoản 1: Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp	**Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hộ đồng quản trị** Điểm e khoản 1: Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.		
	Điểm h khoản 2: Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không được áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 135; khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	Điểm h khoản 2 Điều 33 : Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không được áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 138; khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;		
	Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị Điểm a, khoản 1: Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2, điều 18 Luật doanh nghiệp.	**Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị** Điểm a, khoản 1 : Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, điều 17 Luật doanh nghiệp;		
	Điều 43 . Công khai các lợi ích liên quan 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 17, Điều 4 của luật Doanh nghiệp 2014 và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.	**Điều 43 . Công khai các lợi ích liên quan** 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp 2020 và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.		
	Điều 45. Hợp đồng giao dịch phải được hội	**Điều 45. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch**		

	đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận Điểm c, khoản 1. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc. 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác của đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% *(sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.	**giữa công ty với người có liên quan** Điểm c, khoản 1: Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây: a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Bổ sung khoản 4 :Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh		

		nghiệp. …..		
	Điều 47: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 1. Tiêu chuẩn và diều kiện của Ban kiểm soát : a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này; b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. 2. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.	**Điều 47: Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát** 1. Thành viên Ban Kiểm soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây : a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty; c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty; e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty. 2. Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.		

	Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát 8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	**Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát** 8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.		
	Điều 52. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban kiểm soát Điểm a, Khoản 1, Điều 52: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điều 160 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;	**Điều 52. Miễn nhiệm và bãi nhiệm Ban kiểm soát** Điểm a, Khoản 1, Điều 52: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điều 169 của Luật Doanh nghiệp và **Error! Reference source not found.** Điều lệ này;		

CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	**Điều 57. Quyết toán và kế hoạch tài chính** Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 tháng *(bốn tháng)*. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính *(theo Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp),* Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.	**Điều 57. Quyết toán và kế hoạch tài chính** Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 tháng *(bốn tháng)*. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính *(theo Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp),* Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.		
CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN	**Điều 60. Giải thể** 4. Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo Điều 201 và Điều 202 Luật doanh nghiệp.	**Điều 60, Giải thể** 4. Trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo Điều 207 và Điều 208 Luật doanh nghiệp.		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../2021/TTr-HĐQT	*Đắk Nông, ngày ..... tháng 4 năm 2021*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông lần thứ hai thông qua ngày 27/6/2020;

Căn cứ Đơn từ nhiệm của Ông Bùi Minh Tuấn thành viên HĐQT;

Căn cứ Đơn từ nhiệm của Ông Lương Thanh Bình thành viên BKS;

Căn cứ Đơn đề cử của cổ đông.....
.....,

Theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần cà phê Thuận An, nhằm đảm bảo công tác quản trị của HĐQT và BKS đối với hoạt động của Công ty; HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024, cụ thể:

1. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 đối với Ông Bùi Minh Tuấn.
2. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 đối với Ông Lương Thanh Bình.
3. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An bầu cử bổ sung một (01) thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 đối với .....

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT.	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Ngọc Nghị**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..../2021/TTr-HĐQT	*Đắk Nông, ngày 07 tháng 4 năm 2021*

TỜ TRÌNH

(V/v: *chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021)*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An được Đại hội cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 18/7/2019,, được sửa đổi, bổ sung ngày 27/6/2020;

- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thông qua kế hoạch thù của HĐQT, BKS năm 2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính và Kết quả kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán.

A. Báo cáo về việc chi thù lao năm 2020

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi thù lao năm 2020 cho HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

✓ Cơ cấu Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát từ tháng 01 đến tháng 9 năm 2020 gồm: 05 (năm) TV HĐQT, 03 (ba) TV BKS

✓ Cơ cấu Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2020 gồm: 04 (bốn) TV HĐQT, 02 (hai) TV BKS

- Quỹ thù lao năm 2020 được ĐHĐCĐ phê duyệt:	**168.000.000 đồng**
- Thù lao HĐQT đã chi:	120.000.000 đồng
- Thù lao BKS đã chi:	39.000.000 đồng
- Tổng chi:	**159.000.000** đồng
- Còn lại không chi:	9.000.0000 đồng . (Do thay đổi cơ cấu thành viên HĐQT và BKS vào quý 4)

B. Kế hoạch chi thù lao năm 2021

- Căn cứ cơ cấu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019-2024 được ĐHĐCĐ phê chuẩn;

- Căn cứ cơ cấu HĐQT và BKS của Công ty ở thời điểm hiện tại;

- Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An;

- Căn cứ yêu cầu về công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh trong năm 2021.

Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

* Ngân sách chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và ban Kiểm soát năm 2021 là: **144.000.000 đồng**

+ HĐQT:	*102.000.000* đồng
+ BKS:	*42.000.000 đồng*

* Mức phân bổ cụ thể cho từng Thành viên sẽ giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với kết quả Kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN NGỌC NGHỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

"Công ty Cổ phần Cà phê Thuận An"

THẺ BIỂU QUYẾT
MÃ CỔ ĐÔNG

Tan ……

TÊN CỔ ĐÔNG/ĐD CỔ ĐÔNG: **.....**

..... CP

Trong đó:

Số cổ phần sở hữu: ..... Cổ phần

Số cổ phần ủy quyền: ..... Cổ phần

Số cổ phần đại diện: ..... Cổ phần

Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 2021